VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 11/2019/TT-BTNMT ngày 26 tháng 7 năm 2019 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hải Dương

(Tiếp theo Công báo số 685 + 686)

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH HẢI DƯƠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2019/TT-BTNMT ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần II

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒTỈNH HẢI DƯƠNG

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hán Xuyên	DC	xã Thất Hùng	H. Kinh Môn	21° 03' 17"	106° 29' 27"					F-48-69-D-d
thôn Pháp Chế	DC	xã Thất Hùng	H. Kinh Môn	21° 03' 25"	106° 29' 11"					F-48-69-D-d
thôn Phượng Hoàng	DC	xã Thất Hùng	H. Kinh Môn	21° 03' 28"	106° 28' 51"					F-48-69-D-d
thôn Vũ Xá	DC	xã Thất Hùng	H. Kinh Môn	21° 03' 05"	106° 28' 34"					F-48-69-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Hán Xuyên	KX	xã Thất Hùng	H. Kinh Môn	21° 03' 16"	106° 29' 23"					F-48-69-D-d
Đường tỉnh 389	KX	xã Thất Hùng	H. Kinh Môn			20° 58' 48"	106° 24' 43"	20° 58' 52"	106° 32' 08"	F-48-69-D-d
Phà Triều	KX	xã Thất Hùng	H. Kinh Môn	21° 03' 30"	106° 29' 51"					F-48-69-D-d
sông Kinh Thầy	TV	xã Thất Hùng	H. Kinh Môn			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-69-D-d
thôn Bãi Mạc	DC	xã Thượng Quận	H. Kinh Môn	20° 58' 33"	106° 28' 27"					F-48-81-B-b
thôn Bồ Bản	DC	xã Thượng Quận	H. Kinh Môn	21° 00' 20"	106° 29' 35"					F-48-70-C-c
thôn Khuê Bích	DC	xã Thượng Quận	H. Kinh Môn	20° 59' 51"	106° 28' 59"					F-48-81-B-b
thôn La Xá	DC	xã Thượng Quận	H. Kinh Môn	20° 59' 56"	106° 29' 44"					F-48-69-D-d; F-48-70-C-c
thôn Quế Lĩnh	DC	xã Thượng Quận	H. Kinh Môn	20° 59' 30"	106° 29' 17"					F-48-81-B-b
thôn Thượng Xá	DC	xã Thượng Quận	H. Kinh Môn	20° 59' 48"	106° 29' 29"					F-48-81-B-b
thôn Trại Sắn	DC	xã Thượng Quận	H. Kinh Môn	21° 00' 20"	106° 29' 35"					F-48-69-D-d; F-48-70-C-c
thôn Vũ Xá	DC	xã Thượng Quận	H. Kinh Môn	20° 59' 36"	106° 29' 39"					F-48-81-B-b
chùa Khuê Bích	KX	xã Thượng Quận	H. Kinh Môn	20° 59' 42"	106° 28' 51"					F-48-81-B-b
đình Khuê Bích	KX	xã Thượng Quận	H. Kinh Môn	20° 59' 42"	106° 28' 54"					F-48-81-B-b
đò Quế Lĩnh	KX	xã Thượng Quận	H. Kinh Môn	20° 59' 17"	106° 28' 55"					F-48-81-B-b
Đường tỉnh 389B	KX	xã Thượng Quận	H. Kinh Môn			21° 02' 03"	106° 25' 46"	20° 59' 15"	106° 32' 55"	F-48-69-D-d; F-48-70-C-c
sông Kinh Môn	TV	xã Thượng Quận	H. Kinh Môn			21° 01' 18"	106° 24' 32"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-81-B-b
khu Đồng Khê	DC	TT. Nam Sách	H. Nam Sách	20° 59' 37"	106° 20' 28"					F-48-81-B-a
khu Hoàng Hanh	DC	TT. Nam Sách	H. Nam Sách	20° 59' 31"	106° 20' 10"					F-48-81-B-a
khu La Văn Cầu	DC	TT. Nam Sách	H. Nam Sách	20° 59' 36"	106° 19' 58"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu La Xuyên	DC	TT. Nam Sách	H. Nam Sách	20° 59' 12"	106° 20' 22"					F-48-81-B-a
khu Mạc Thị Bưởi	DC	TT. Nam Sách	H. Nam Sách	20° 59' 16"	106° 19' 54"					F-48-81-B-a
khu Nguyễn Quốc Trị	DC	TT. Nam Sách	H. Nam Sách	20° 59' 27"	106° 19' 49"					F-48-81-B-a
khu Nguyễn Văn Trỗi	DC	TT. Nam Sách	H. Nam Sách	21° 00' 10"	106° 19' 56"					F-48-69-D-c
khu Nhân Đào	DC	TT. Nam Sách	H. Nam Sách	20° 59' 43"	106° 20' 07"					F-48-81-B-a
khu Nhân Hưng	DC	TT. Nam Sách	H. Nam Sách	20° 59' 12"	106° 20' 07"					F-48-81-B-a
cầu Lang Khê	KX	TT. Nam Sách	H. Nam Sách	20° 59' 34"	106° 20' 41"					F-48-81-B-a
cầu Nhân Lý	KX	TT. Nam Sách	H. Nam Sách	20° 59' 46"	106° 20' 23"					F-48-81-B-a
đình Nhân Lý	KX	TT. Nam Sách	H. Nam Sách	20° 59' 53"	106° 20' 28"					F-48-81-B-a
đình Nội Hưng	KX	TT. Nam Sách	H. Nam Sách	20° 59' 09"	106° 20' 05"					F-48-81-B-a
đình Vạn Niên	KX	TT. Nam Sách	H. Nam Sách	20° 59' 30"	106° 20' 02"					F-48-81-B-a
đường Nguyễn Trãi (Đường huyện 5B)	KX	TT. Nam Sách	H. Nam Sách			20° 59' 30"	106° 19' 56"	20° 59' 35"	106° 20' 40"	F-48-81-B-a
Đường huyện 5B	KX	TT. Nam Sách	H. Nam Sách			20° 59' 03"	106° 17' 34"	20° 59' 33"	106° 23' 13"	F-48-81-B-a
đường Trần Phú (Đường tỉnh 390)	KX	TT. Nam Sách	H. Nam Sách			21° 00' 09"	106° 20' 02"	20° 59' 14"	106° 19' 53"	F-48-69-D-c; F-48-81-B-a
Đường tỉnh 390	KX	TT. Nam Sách	H. Nam Sách			20° 58' 28"	106° 23' 00"	20° 49' 57"	106° 29' 29"	F-48-69-D-c; F-48-81-B-a
Quốc lộ 37	KX	TT. Nam Sách	H. Nam Sách			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-69-D-c; F-48-81-B-a
sông Thượng Đạt	TV	TT. Nam Sách	H. Nam Sách			21° 00' 07"	106° 19' 28"	20° 57' 38"	106° 18' 59"	F-48-81-B-a
thôn An Đoài	DC	xã An Bình	H. Nam Sách	21° 01' 27"	106° 21' 28"					F-48-69-D-c
thôn An Đông	DC	xã An Bình	H. Nam Sách	21° 01' 44"	106° 21' 27"					F-48-69-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đào Xá	DC	xã An Bình	H. Nam Sách	21° 01' 03"	106° 22' 26"					F-48-69-D-c; F-48-69-D-d
thôn Đa Đinh	DC	xã An Bình	H. Nam Sách	21° 01' 12"	106° 22' 08"					F-48-69-D-c
chùa Trăm Gian	KX	xã An Bình	H. Nam Sách	21° 01' 46"	106° 21' 42"					F-48-69-D-c
sông Kinh Thầy	TV	xã An Bình	H. Nam Sách			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-69-D-c; F-48-69-D-d
thôn An Lương	DC	xã An Lâm	H. Nam Sách	21° 00' 20"	106° 20' 48"					F-48-69-D-c
thôn Bạch Đa 1	DC	xã An Lâm	H. Nam Sách	21° 00' 27"	106° 20' 32"					F-48-69-D-c
thôn Bạch Đa 2	DC	xã An Lâm	H. Nam Sách	21° 00' 16"	106° 20' 28"					F-48-69-D-c
thôn Cẩm Lý	DC	xã An Lâm	H. Nam Sách	20° 59' 56"	106° 21' 00"					F-48-69-D-c; F-48-81-B-a
thôn Đông Lư	DC	xã An Lâm	H. Nam Sách	21° 00' 13"	106° 21' 50"					F-48-69-D-c
thôn Hoàng Giáp	DC	xã An Lâm	H. Nam Sách	20° 59' 46"	106° 21' 19"					F-48-81-B-a
thôn Lang Khê	DC	xã An Lâm	H. Nam Sách	20° 59' 45"	106° 20' 37"					F-48-81-B-a
thôn Nghĩa Dương	DC	xã An Lâm	H. Nam Sách	20° 59' 52"	106° 21' 29"					F-48-81-B-a
thôn Nghĩa Khê	DC	xã An Lâm	H. Nam Sách	21° 00' 12"	106° 21' 30"					F-48-69-D-c
thôn Nghĩa Lư	DC	xã An Lâm	H. Nam Sách	21° 00' 22"	106° 21' 40"					F-48-69-D-c
cầu Cống Sáu	KX	xã An Lâm	H. Nam Sách	21° 00' 57"	106° 20' 24"					F-48-69-D-c
cầu Lang Khê	KX	xã An Lâm	H. Nam Sách	20° 59' 34"	106° 20' 41"					F-48-81-B-a
đình Nghĩa Khê	KX	xã An Lâm	H. Nam Sách	21° 00' 14"	106° 21' 36"					F-48-69-D-c
Đường huyện 5B	KX	xã An Lâm	H. Nam Sách			20° 59' 03"	106° 17' 34"	20° 59' 33"	106° 23' 13"	F-48-81-B-a
Quốc lộ 37	KX	xã An Lâm	H. Nam Sách			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-69-D-c; F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Giới	DC	xã An Sơn	H. Nam Sách	21° 00' 47"	106° 17' 46"					F-48-69-D-c
Thôn Cõi	DC	xã An Sơn	H. Nam Sách	21° 00' 39"	106° 18' 24"					F-48-69-D-c
thôn Hưng Sơn	DC	xã An Sơn	H. Nam Sách	21° 00' 11"	106° 17' 53"					F-48-69-D-c
thôn Nhuế Sơn	DC	xã An Sơn	H. Nam Sách	21° 01' 11"	106° 17' 44"					F-48-69-D-c
thôn Quan Sơn	DC	xã An Sơn	H. Nam Sách	21° 00' 21"	106° 18' 59"					F-48-69-D-c
sông Thái Bình	TV	xã An Sơn	H. Nam Sách			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-69-D-c
thôn An Điền	DC	xã Cộng Hòa	H. Nam Sách	21° 00' 31"	106° 23' 40"					F-48-69-D-d
thôn Chi Đoan	DC	xã Cộng Hòa	H. Nam Sách	21° 00' 57"	106° 23' 06"					F-48-69-D-d
thôn Cổ Pháp	DC	xã Cộng Hòa	H. Nam Sách	21° 00' 10"	106° 23' 01"					F-48-69-D-d; F-48-81-B-b
Trại giam Tân Lập	DC	xã Cộng Hòa	H. Nam Sách	20° 59' 48"	106° 24' 18"					F-48-81-B-b
đò Cổ Pháp	KX	xã Cộng Hòa	H. Nam Sách	20° 59' 32"	106° 23' 21"					F-48-81-B-b
Đường huyện 5B	KX	xã Cộng Hòa	H. Nam Sách			20° 59' 03"	106° 17' 34"	20° 59' 33"	106° 23' 13"	F-48-81-B-b
sông Kinh Môn	TV	xã Cộng Hòa	H. Nam Sách			21° 01' 18"	106° 24' 32"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-69-D-d; F-48-81-B-b
sông Kinh Thầy	TV	xã Cộng Hòa	H. Nam Sách			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-69-D-d
Sông Rạng	TV	xã Cộng Hòa	H. Nam Sách			20° 59' 50"	106° 24' 31"	20° 52' 25"	106° 28' 20"	F-48-81-B-b
thôn Cẩm La	DC	xã Đồng Lạc	H. Nam Sách	20° 58' 48"	106° 20' 38"					F-48-81-B-a
thôn Đông Duệ	DC	xã Đồng Lạc	H. Nam Sách	20° 58' 56"	106° 22' 00"					F-48-81-B-a
thôn Hảo Thôn	DC	xã Đồng Lạc	H. Nam Sách	20° 58' 31"	106° 22' 02"					F-48-81-B-a
thôn Miếu Lãng	DC	xã Đồng Lạc	H. Nam Sách	20° 59' 00"	106° 21' 19"					F-48-81-B-a
thôn Nham Cáp	DC	xã Đồng Lạc	H. Nam Sách	20° 58' 40"	106° 20' 39"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nhân Lễ	DC	xã Đồng Lạc	H. Nam Sách	20° 58' 53"	106° 20' 28"					F-48-81-B-a
thôn Quan Đình	DC	xã Đồng Lạc	H. Nam Sách	20° 58' 13"	106° 21' 43"					F-48-81-B-a
thôn Tháp Phan	DC	xã Đồng Lạc	H. Nam Sách	20° 59' 01"	106° 21' 37"					F-48-81-B-a
thôn Trâm Kiều	DC	xã Đồng Lạc	H. Nam Sách	20° 58' 34"	106° 20' 58"					F-48-81-B-a
thôn Trúc Khê	DC	xã Đồng Lạc	H. Nam Sách	20° 58' 14"	106° 20' 38"					F-48-81-B-a
xóm Trâm Sơn	DC	xã Đồng Lạc	H. Nam Sách	20° 58' 24"	106° 21' 17"					F-48-81-B-a
cầu Hảo Thôn	KX	xã Đồng Lạc	H. Nam Sách	20° 58' 27"	106° 22' 08"					F-48-81-B-a
Công ty trách nhiệm hữu hạn Oriental Sports Việt Nam	KX	xã Đồng Lạc	H. Nam Sách	20° 58' 47"	106° 21' 15"					F-48-81-B-a
Đường huyện 5B	KX	xã Đồng Lạc	H. Nam Sách			20° 59' 03"	106° 17' 34"	20° 59' 33"	106° 23' 13"	F-48-81-B-a
Quốc lộ 37	KX	xã Đồng Lạc	H. Nam Sách			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-B-a
Sông Sen	TV	xã Đồng Lạc	H. Nam Sách			20° 58' 51"	106° 22' 13"	20° 58' 08"	106° 22' 00"	F-48-81-B-a
thôn Cát Khê	DC	xã Hiệp Cát	H. Nam Sách	21° 02' 43"	106° 18' 05"					F-48-69-D-c
thôn Đại Lã	DC	xã Hiệp Cát	H. Nam Sách	21° 02' 00"	106° 18' 13"					F-48-69-D-c
thôn Kim Độ	DC	xã Hiệp Cát	H. Nam Sách	21° 02' 20"	106° 18' 44"					F-48-69-D-c
thôn Kim Độ Trại	DC	xã Hiệp Cát	H. Nam Sách	21° 02' 34"	106° 18' 56"					F-48-69-D-c
thôn Kinh Dương	DC	xã Hiệp Cát	H. Nam Sách	21° 02' 28"	106° 17' 57"					F-48-69-D-c
thôn Lấu Khê	DC	xã Hiệp Cát	H. Nam Sách	21° 03' 22"	106° 18' 40"					F-48-69-D-c
Đường tỉnh 390	KX	xã Hiệp Cát	H. Nam Sách			20° 58' 28"	106° 23' 00"	20° 49' 57"	106° 29' 29"	F-48-69-D-c
sông Kinh Thầy	TV	xã Hiệp Cát	H. Nam Sách			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-69-D-c
sông Thái Bình	TV	xã Hiệp Cát	H. Nam Sách			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-69-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đoàn Kết	DC	xã Hồng Phong	H. Nam Sách	20° 59' 27"	106° 18' 21"					F-48-81-B-a
thôn Nam Khê	DC	xã Hồng Phong	H. Nam Sách	20° 59' 07"	106° 18' 30"					F-48-81-B-a
thôn Phù Liễn	DC	xã Hồng Phong	H. Nam Sách	20° 58' 35"	106° 19' 00"					F-48-81-B-a
thôn Vạn Tải Đông	DC	xã Hồng Phong	H. Nam Sách	20° 59' 05"	106° 19' 03"					F-48-81-B-a
thôn Vạn Tải Tây	DC	xã Hồng Phong	H. Nam Sách	20° 59' 03"	106° 18' 53"					F-48-81-B-a
Đường huyện 5B	KX	xã Hồng Phong	H. Nam Sách			20° 59' 03"	106° 17' 34"	20° 59' 33"	106° 23' 13"	F-48-81-B-a
sông Thượng Đạt	TV	xã Hồng Phong	H. Nam Sách			21° 00' 07"	106° 19' 28"	20° 57' 38"	106° 18' 59"	F-48-81-B-a
Thôn Bến	DC	xã Hợp Tiến	H. Nam Sách	21° 03' 06"	106° 20' 26"					F-48-69-D-c
thôn Cao Đôi	DC	xã Hợp Tiến	H. Nam Sách	21° 03' 20"	106° 20' 43"					F-48-69-D-c
Thôn Đầu	DC	xã Hợp Tiến	H. Nam Sách	21° 03' 04"	106° 20' 19"					F-48-69-D-c
thôn La Đôi	DC	xã Hợp Tiến	H. Nam Sách	21° 02' 49"	106° 19' 35"					F-48-69-D-c
Thôn Tè	DC	xã Hợp Tiến	H. Nam Sách	21° 03' 10"	106° 20' 02"					F-48-69-D-c
Đình Đầu	KX	xã Hợp Tiến	H. Nam Sách	21° 03' 00"	106° 20' 18"					F-48-69-D-c
Đường tỉnh 390	KX	xã Hợp Tiến	H. Nam Sách			20° 58' 28"	106° 23' 00"	20° 49' 57"	106° 29' 29"	F-48-69-D-c
thôn Hùng Thắng	DC	xã Minh Tân	H. Nam Sách	20° 58' 09"	106° 17' 25"					F-48-81-B-a
thôn Mạc Xá	DC	xã Minh Tân	H. Nam Sách	20° 58' 29"	106° 18' 22"					F-48-81-B-a
thôn Mỹ Xá	DC	xã Minh Tân	H. Nam Sách	20° 58' 55"	106° 17' 29"					F-48-81-B-a
thôn Uông Hạ	DC	xã Minh Tân	H. Nam Sách	20° 58' 13"	106° 17' 46"					F-48-81-B-a
thôn Uông Thượng	DC	xã Minh Tân	H. Nam Sách	20° 58' 48"	106° 18' 03"					F-48-81-B-a
đền Mỹ Xá	KX	xã Minh Tân	H. Nam Sách	20° 58' 56"	106° 17' 28"					F-48-81-B-a
đền thờ nghệ nhân gốm sứ Đặng Huyền Thông	KX	xã Minh Tân	H. Nam Sách	20° 58' 07"	106° 17' 26"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường huyện 5B	KX	xã Minh Tân	H. Nam Sách			20° 59' 03"	106° 17' 34"	20° 59' 33"	106° 23' 13"	F-48-81-B-a
sông Thái Bình	TV	xã Minh Tân	H. Nam Sách			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-a
thôn An Thường	DC	xã Nam Chính	H. Nam Sách	21° 01' 12"	106° 18' 44"					F-48-69-D-c
thôn Bịch Đông	DC	xã Nam Chính	H. Nam Sách	21° 02' 12"	106° 19' 28"					F-48-69-D-c
thôn Bịch Tây	DC	xã Nam Chính	H. Nam Sách	21° 01' 58"	106° 19' 16"					F-48-69-D-c
thôn Hoàng Xá	DC	xã Nam Chính	H. Nam Sách	21° 01' 15"	106° 18' 23"					F-48-69-D-c
thôn Trại Thượng	DC	xã Nam Chính	H. Nam Sách	21° 01' 09"	106° 19' 05"					F-48-69-D-c
Đường tỉnh 390	KX	xã Nam Chính	H. Nam Sách			20° 58' 28"	106° 23' 00"	20° 49' 57"	106° 29' 29"	F-48-69-D-c
thôn Đồn Bối	DC	xã Nam Hồng	H. Nam Sách	20° 59' 46"	106° 19' 13"					F-48-81-B-a
Thôn Đụn	DC	xã Nam Hồng	H. Nam Sách	21° 00' 03"	106° 19' 16"					F-48-69-D-c; F-48-81-B-a
thôn Thượng Đáp	DC	xã Nam Hồng	H. Nam Sách	20° 59' 43"	106° 19' 37"					F-48-81-B-a
Chùa Cả	KX	xã Nam Hồng	H. Nam Sách	20° 59' 38"	106° 19' 10"					F-48-81-B-a
Đình Cả	KX	xã Nam Hồng	H. Nam Sách	20° 59' 39"	106° 19' 11"					F-48-81-B-a
Đường huyện 5B	KX	xã Nam Hồng	H. Nam Sách			20° 59' 03"	106° 17' 34"	20° 59' 33"	106° 23' 13"	F-48-81-B-a
Nghè Cả	KX	xã Nam Hồng	H. Nam Sách	20° 59' 40"	106° 19' 10"					F-48-81-B-a
Nghè Đồn	KX	xã Nam Hồng	H. Nam Sách	21° 00' 14"	106° 19' 19"					F-48-81-B-a
từ đường Họ Vũ - Thượng Đáp	KX	xã Nam Hồng	H. Nam Sách	20° 59' 49"	106° 19' 31"					F-48-81-B-a
sông Thượng Đạt	TV	xã Nam Hồng	H. Nam Sách			21° 00' 07"	106° 19' 28"	20° 57' 38"	106° 18' 59"	F-48-69-D-c; F-48-81-B-a
thôn Linh Xá	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Sách	21° 04' 43"	106° 19' 26"					F-48-69-D-c
thôn Ngô Đồng	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Sách	21° 04' 31"	106° 19' 45"					F-48-69-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Trần Xá	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Sách	21° 03' 45"	106° 19' 27"					F-48-69-D-c
đình Ngô Đồng	KX	xã Nam Hưng	H. Nam Sách	21° 04' 32"	106° 19' 46"					F-48-69-D-c
đình Trần Xá	KX	xã Nam Hưng	H. Nam Sách	21° 03' 44"	106° 19' 22"					F-48-69-D-c
sông Kinh Thầy	TV	xã Nam Hưng	H. Nam Sách			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-69-D-c
thôn Đột Hạ	DC	xã Nam Tân	H. Nam Sách	21° 04' 16"	106° 20' 43"					F-48-69-D-c
thôn Đột Trên	DC	xã Nam Tân	H. Nam Sách	21° 04' 20"	106° 20' 15"					F-48-69-D-c
thôn Long Động	DC	xã Nam Tân	H. Nam Sách	21° 03' 49"	106° 21' 01"					F-48-69-D-c
thôn Quảng Tân	DC	xã Nam Tân	H. Nam Sách	21° 04' 45"	106° 20' 27"					F-48-69-D-c
thôn Trung Hà	DC	xã Nam Tân	H. Nam Sách	21° 04' 03"	106° 21' 12"					F-48-69-D-c
đền Mạc Đĩnh Chi	KX	xã Nam Tân	H. Nam Sách	21° 03' 47"	106° 20' 57"					F-48-69-D-c
sông Kinh Thầy	TV	xã Nam Tân	H. Nam Sách			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-69-D-c
thôn Mạn Đê	DC	xã Nam Trung	H. Nam Sách	21° 00' 41"	106° 19' 26"					F-48-69-D-c
thôn Thụy Trà	DC	xã Nam Trung	H. Nam Sách	21° 00' 31"	106° 19' 34"					F-48-69-D-c
thôn Thượng Dương	DC	xã Nam Trung	H. Nam Sách	21° 01' 09"	106° 19' 33"					F-48-69-D-c
đình Mạn Đê	KX	xã Nam Trung	H. Nam Sách	21° 00' 37"	106° 19' 28"					F-48-69-D-c
đình Thụy Trà	KX	xã Nam Trung	H. Nam Sách	21° 00' 22"	106° 19' 37"					F-48-69-D-c
Đường tỉnh 390	KX	xã Nam Trung	H. Nam Sách			20° 58' 28"	106° 23' 00"	20° 49' 57"	106° 29' 29"	F-48-69-D-c
Quốc lộ 37	KX	xã Nam Trung	H. Nam Sách			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-69-D-c
thôn Kim Bảng	DC	xã Phú Điền	H. Nam Sách	20° 59' 20"	106° 22' 13"					F-48-81-B-a
thôn Kim Khê	DC	xã Phú Điền	H. Nam Sách	21° 00' 00"	106° 22' 05"					F-48-69-D-c; F-48-81-B-a
thôn Lâm Xá	DC	xã Phú Điền	H. Nam Sách	20° 59' 42"	106° 21' 47"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lâm Xuyên	DC	xã Phú Điền	H. Nam Sách	20° 59' 17"	106° 21' 56"					F-48-81-B-a
thôn Lý Văn	DC	xã Phú Điền	H. Nam Sách	20° 59' 44"	106° 22' 27"					F-48-81-B-a; F-48-81-B-b
thôn Phong Trạch	DC	xã Phú Điền	H. Nam Sách	21° 00' 13"	106° 22' 23"					F-48-69-D-c
thôn Phú Xuyên	DC	xã Phú Điền	H. Nam Sách	20° 59' 34"	106° 22' 42"					F-48-81-B-b
Đường huyện 5B	KX	xã Phú Điền	H. Nam Sách			20° 59' 03"	106° 17' 34"	20° 59' 33"	106° 23' 13"	F-48-81-B-a; F-48-81-B-b
thôn An Xá	DC	xã Quốc Tuấn	H. Nam Sách	21° 01' 42"	106° 20' 29"					F-48-69-D-c
thôn Đông Thôn	DC	xã Quốc Tuấn	H. Nam Sách	21° 01' 58"	106° 20' 47"					F-48-69-D-c
thôn Lương Gián	DC	xã Quốc Tuấn	H. Nam Sách	21° 02' 23"	106° 20' 43"					F-48-69-D-c
thôn Trực Trì	DC	xã Quốc Tuấn	H. Nam Sách	21° 02' 11"	106° 20' 35"					F-48-69-D-c
cầu Cống Sáu	KX	xã Quốc Tuấn	H. Nam Sách	21° 00' 57"	106° 20' 24"					F-48-69-D-c
Đình Rồng	KX	xã Quốc Tuấn	H. Nam Sách	21° 02' 11"	106° 20' 27"					F-48-69-D-c
Quốc lộ 37	KX	xã Quốc Tuấn	H. Nam Sách			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-69-D-c
thôn Chu Đậu	DC	xã Thái Tân	H. Nam Sách	20° 59' 09"	106° 17' 34"					F-48-81-B-a
Thôn Đình	DC	xã Thái Tân	H. Nam Sách	20° 59' 37"	106° 17' 38"					F-48-81-B-a
Thôn Giữa	DC	xã Thái Tân	H. Nam Sách	20° 59' 39"	106° 17' 26"					F-48-81-B-a
thôn Mạc Bình	DC	xã Thái Tân	H. Nam Sách	21° 00' 25"	106° 17' 09"					F-48-69-D-c
thôn Tân Thắng	DC	xã Thái Tân	H. Nam Sách	20° 59' 24"	106° 16' 43"					F-48-81-B-a
Thôn Thượng	DC	xã Thái Tân	H. Nam Sách	20° 59' 46"	106° 17' 12"					F-48-81-B-a
Di tích lịch sử - văn hóa Di tích khảo cổ học Chu Đậu	KX	xã Thái Tân	H. Nam Sách	20° 59' 09"	106° 17' 48"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường huyện 5B	KX	xã Thái Tân	H. Nam Sách			20° 59' 03"	106° 17' 34"	20° 59' 33"	106° 23' 13"	F-48-81-B-a
sông Thái Bình	TV	xã Thái Tân	H. Nam Sách			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-69-D-c; F-48-81-B-a
trạm bơm Chu Đậu	TV	xã Thái Tân	H. Nam Sách	20° 59' 02"	106° 17' 41"					F-48-81-B-a
thôn Lê Hà	DC	xã Thanh Quang	H. Nam Sách	21° 03' 01"	106° 21' 18"					F-48-69-D-c
thôn Linh Khê	DC	xã Thanh Quang	H. Nam Sách	21° 02' 24"	106° 21' 14"					F-48-69-D-c
thôn Tông Phố	DC	xã Thanh Quang	H. Nam Sách	21° 02' 35"	106° 21' 12"					F-48-69-D-c
thôn Tống Xá	DC	xã Thanh Quang	H. Nam Sách	21° 02' 41"	106° 20' 53"					F-48-69-D-c
cầu Phước Liễu	KX	xã Thanh Quang	H. Nam Sách	21° 03' 04"	106° 21' 20"					F-48-69-D-c
Cầu Bình	KX	xã Thanh Quang	H. Nam Sách	21° 03' 12"	106° 21' 49"					F-48-69-D-c
Quốc lộ 37	KX	xã Thanh Quang	H. Nam Sách			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-69-D-c
sông Kinh Thầy	TV	xã Thanh Quang	H. Nam Sách			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-69-D-c
Khu 1	DC	TT. Ninh Giang	H. Ninh Giang	20° 44' 00"	106° 24' 13"					F-48-81-D-b
Khu 2	DC	TT. Ninh Giang	H. Ninh Giang	20° 43' 55"	106° 24' 14"					F-48-81-D-b
Khu 3	DC	TT. Ninh Giang	H. Ninh Giang	20° 43' 58"	106° 23' 52"					F-48-81-D-b
Khu 4	DC	TT. Ninh Giang	H. Ninh Giang	20° 44' 04"	106° 24' 00"					F-48-81-D-b
Khu 5	DC	TT. Ninh Giang	H. Ninh Giang	20° 44' 10"	106° 24' 24"					F-48-81-D-b
Khu 6	DC	TT. Ninh Giang	H. Ninh Giang	20° 43' 52"	106° 23' 35"					F-48-81-D-b
Cầu Chanh	KX	TT. Ninh Giang	H. Ninh Giang	20° 44' 00"	106° 24' 30"					F-48-81-D-b
đường Khúc Thừa Dụ (Quốc lộ 37)	KX	TT. Ninh Giang	H. Ninh Giang			20° 44' 04"	106° 23' 29"	20° 44' 05"	106° 24' 25"	F-48-81-D-b
đường Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 37)	KX	TT. Ninh Giang	H. Ninh Giang			20° 44' 04"	106° 23' 29"	20° 43' 55"	106° 24' 08"	F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 391	KX	TT. Ninh Giang	H. Ninh Giang			20° 57' 11"	106° 19' 23"	20° 43' 55"	106° 24' 08"	F-48-81-D-b
Quốc lộ 37	KX	TT. Ninh Giang	H. Ninh Giang			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-D-b
Sông Luộc	TV	TT. Ninh Giang	H. Ninh Giang			20° 41' 07"	106° 16' 03"	20° 45' 40"	106° 29' 46"	F-48-81-D-b
thôn Kim Chuế	DC	xã An Đức	H. Ninh Giang	20° 46' 27"	106° 17' 21"					F-48-81-B-c
thôn Trại Mũa	DC	xã An Đức	H. Ninh Giang	20° 45' 38"	106° 18' 41"					F-48-81-B-c
thôn Ứng Mộ	DC	xã An Đức	H. Ninh Giang	20° 45' 56"	106° 17' 51"					F-48-81-B-c
thôn Vân Cầu	DC	xã An Đức	H. Ninh Giang	20° 46' 04"	106° 17' 41"					F-48-81-B-c
cầu Di Linh	KX	xã An Đức	H. Ninh Giang	20° 45' 55"	106° 17' 03"					F-48-81-B-c
đình Ứng Mộ	KX	xã An Đức	H. Ninh Giang	20° 45' 58"	106° 17' 51"					F-48-81-B-c
Đường tỉnh 396B	KX	xã An Đức	H. Ninh Giang			20° 46' 49"	106° 17' 25"	20° 41' 31"	106° 18' 09"	F-48-81-B-c
sông Cửu An	TV	xã An Đức	H. Ninh Giang			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-B-c
thôn Giâm Me	DC	xã Đồng Tâm	H. Ninh Giang	20° 44' 37"	106° 22' 32"					F-48-81-D-a; F-48-81-D-b
thôn Tranh Xuyên	DC	xã Đồng Tâm	H. Ninh Giang	20° 44' 18"	106° 23' 30"					F-48-81-D-b
Thôn Vé	DC	xã Đồng Tâm	H. Ninh Giang	20° 44' 57"	106° 22' 46"					F-48-81-B-d; F-48-81-D-b
đình Giâm Me	KX	xã Đồng Tâm	H. Ninh Giang	20° 44' 41"	106° 22' 39"					F-48-81-D-b
đường Khúc Thừa Dụ (Quốc lộ 37)	KX	xã Đồng Tâm	H. Ninh Giang			20° 44' 04"	106° 23' 29"	20° 44' 05"	106° 24' 25"	F-48-81-D-b
đường Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 37)	KX	xã Đồng Tâm	H. Ninh Giang			20° 44' 04"	106° 23' 29"	20° 43' 55"	106° 24' 08"	F-48-81-D-b
Đền Tranh	KX	xã Đồng Tâm	H. Ninh Giang	20° 44' 10"	106° 23' 35"					F-48-81-D-b
Đường tỉnh 396	KX	xã Đồng Tâm	H. Ninh Giang			20° 44' 36"	106° 22' 59"	20° 43' 27"	106° 13' 05"	F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 37	KX	xã Đồng Tâm	H. Ninh Giang			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-B-d; F-48-81-D-b
thôn Đông Cao	DC	xã Đông Xuyên	H. Ninh Giang	20° 45' 36"	106° 20' 53"					F-48-81-B-c
thôn Xuyên Hử	DC	xã Đông Xuyên	H. Ninh Giang	20° 45' 22"	106° 20' 02"					F-48-81-B-c
Thôn Bạt	DC	xã Đông Xuyên	H. Ninh Giang	20° 46' 21"	106° 20' 43"					F-48-81-B-c
chùa Đông Cao	KX	xã Đông Xuyên	H. Ninh Giang	20° 45' 41"	106° 20' 41"					F-48-81-B-c
sông Cửu An	TV	xã Đông Xuyên	H. Ninh Giang			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-B-c
thôn Hiệp Thọ	DC	xã Hiệp Lực	H. Ninh Giang	20° 43' 19"	106° 22' 06"					F-48-81-D-a
thôn Mai Xá	DC	xã Hiệp Lực	H. Ninh Giang	20° 43' 35"	106° 23' 04"					F-48-81-D-b
Thôn Tiền	DC	xã Hiệp Lực	H. Ninh Giang	20° 43' 20"	106° 22' 19"					F-48-81-D-b
Thôn Trung	DC	xã Hiệp Lực	H. Ninh Giang	20° 43' 20"	106° 22' 41"					F-48-81-D-b
đò An Đồng	KX	xã Hiệp Lực	H. Ninh Giang	20° 42' 44"	106° 22' 44"					F-48-81-D-b
Sông Luộc	TV	xã Hiệp Lực	H. Ninh Giang			20° 41' 07"	106° 16' 03"	20° 45' 40"	106° 29' 46"	F-48-81-D-a; F-48-81-D-b
thôn Bùi Hòa	DC	xã Hoàng Hanh	H. Ninh Giang	20° 45' 40"	106° 16' 48"					F-48-81-B-c
thôn Di Linh	DC	xã Hoàng Hanh	H. Ninh Giang	20° 45' 48"	106° 17' 02"					F-48-81-B-c
thôn Tam Cửu	DC	xã Hoàng Hanh	H. Ninh Giang	20° 46' 03"	106° 16' 46"					F-48-81-B-c
thôn Xuân Trì	DC	xã Hoàng Hanh	H. Ninh Giang	20° 45' 34"	106° 16' 19"					F-48-81-B-c
cầu Di Linh	KX	xã Hoàng Hanh	H. Ninh Giang	20° 45' 55"	106° 17' 03"					F-48-81-B-c
Đường tỉnh 396B	KX	xã Hoàng Hanh	H. Ninh Giang			20° 46' 49"	106° 17' 25"	20° 41' 31"	106° 18' 09"	F-48-81-B-c
sông Cửu An	TV	xã Hoàng Hanh	H. Ninh Giang			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-B-c
Thôn Cáp	DC	xã Hồng Dụ	H. Ninh Giang	20° 44' 03"	106° 22' 48"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Chói	DC	xã Hồng Dụ	H. Ninh Giang	20° 43' 49"	106° 22' 25"					F-48-81-D-a
Thôn Đồng	DC	xã Hồng Dụ	H. Ninh Giang	20° 43' 59"	106° 22' 13"					F-48-81-D-a
thôn Lang Viên	DC	xã Hồng Dụ	H. Ninh Giang	20° 44' 06"	106° 22' 17"					F-48-81-D-a
thôn Thượng Xá	DC	xã Hồng Dụ	H. Ninh Giang	20° 43' 39"	106° 21' 48"					F-48-81-D-a
Đường tỉnh 396	KX	xã Hồng Dụ	H. Ninh Giang			20° 44' 36"	106° 22' 59"	20° 43' 27"	106° 13' 05"	F-48-81-D-a; F-48-81-D-b
thôn Đồng Lạc	DC	xã Hồng Đức	H. Ninh Giang	20° 47' 08"	106° 18' 45"					F-48-81-B-c
thôn Kim Húc	DC	xã Hồng Đức	H. Ninh Giang	20° 47' 30"	106° 18' 21"					F-48-81-B-c
thôn Mai Động	DC	xã Hồng Đức	H. Ninh Giang	20° 46' 38"	106° 17' 56"					F-48-81-B-c
thôn Tế Cầu	DC	xã Hồng Đức	H. Ninh Giang	20° 46' 39"	106° 18' 47"					F-48-81-B-c
chùa Đà Hưng	KX	xã Hồng Đức	H. Ninh Giang	20° 47' 31"	106° 18' 19"					F-48-81-B-c
Đường tỉnh 392	KX	xã Hồng Đức	H. Ninh Giang			20° 54' 27"	106° 08' 55"	20° 49' 12"	106° 24' 20"	F-48-81-B-c
sông Đĩnh Đào	TV	xã Hồng Đức	H. Ninh Giang			20° 54' 02"	106° 14' 21"	20° 49' 23"	106° 22' 03"	F-48-81-B-c
thôn Bồ Dương	DC	xã Hồng Phong	H. Ninh Giang	20° 43' 15"	106° 20' 06"					F-48-81-D-a
thôn Đồng Hội	DC	xã Hồng Phong	H. Ninh Giang	20° 43' 27"	106° 20' 24"					F-48-81-D-a
thôn Động Trạch	DC	xã Hồng Phong	H. Ninh Giang	20° 43' 08"	106° 20' 37"					F-48-81-D-a
thôn Quang Rực	DC	xã Hồng Phong	H. Ninh Giang	20° 42' 29"	106° 21' 17"					F-48-81-D-a
Cầu Dầm	KX	xã Hồng Phong	H. Ninh Giang	20° 43' 25"	106° 20' 43"					F-48-81-D-a
đình Bồ Dương	KX	xã Hồng Phong	H. Ninh Giang	20° 43' 19"	106° 20' 02"					F-48-81-D-a
Đò Rách	KX	xã Hồng Phong	H. Ninh Giang	20° 42' 05"	106° 21' 11"					F-48-81-D-a
Đường tỉnh 396	KX	xã Hồng Phong	H. Ninh Giang			20° 44' 36"	106° 22' 59"	20° 43' 27"	106° 13' 05"	F-48-81-D-a
Sông Luộc	TV	xã Hồng Phong	H. Ninh Giang			20° 41' 07"	106° 16' 03"	20° 45' 40"	106° 29' 46"	F-48-81-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Lãng	DC	xã Hồng Phúc	H. Ninh Giang	20° 42' 44"	106° 19' 08"					F-48-81-D-a
thôn Đà Phố	DC	xã Hồng Phúc	H. Ninh Giang	20° 43' 02"	106° 18' 55"					F-48-81-D-a
thôn Phụ Dực	DC	xã Hồng Phúc	H. Ninh Giang	20° 42' 40"	106° 18' 30"					F-48-81-D-a
Đường tỉnh 396	KX	xã Hồng Phúc	H. Ninh Giang			20° 44' 36"	106° 22' 59"	20° 43' 27"	106° 13' 05"	F-48-81-D-a
miếu Tây Đà Phố	KX	xã Hồng Phúc	H. Ninh Giang	20° 43' 04"	106° 18' 32"					F-48-81-D-a
Sông Luộc	TV	xã Hồng Phúc	H. Ninh Giang			20° 41' 07"	106° 16' 03"	20° 45' 40"	106° 29' 46"	F-48-81-D-a
thôn An Rặc	DC	xã Hồng Thái	H. Ninh Giang	20° 43' 26"	106° 21' 20"					F-48-81-D-a
thôn Dậu Trì	DC	xã Hồng Thái	H. Ninh Giang	20° 44' 32"	106° 21' 49"					F-48-81-D-a
thôn Tam Tương	DC	xã Hồng Thái	H. Ninh Giang	20° 44' 00"	106° 21' 30"					F-48-81-D-a
Thôn Tiêu	DC	xã Hồng Thái	H. Ninh Giang	20° 43' 43"	106° 20' 58"					F-48-81-D-a
Thôn Tương	DC	xã Hồng Thái	H. Ninh Giang	20° 44' 00"	106° 21' 03"					F-48-81-D-a
chùa Dậu Trì	KX	xã Hồng Thái	H. Ninh Giang	20° 44' 33"	106° 21' 40"					F-48-81-D-a
Cầu Dầm	KX	xã Hồng Thái	H. Ninh Giang	20° 43' 25"	106° 20' 43"					F-48-81-D-a
đình Dậu Trì	KX	xã Hồng Thái	H. Ninh Giang	20° 44' 31"	106° 21' 46"					F-48-81-D-a
Đường tỉnh 396	KX	xã Hồng Thái	H. Ninh Giang			20° 44' 36"	106° 22' 59"	20° 43' 27"	106° 13' 05"	F-48-81-D-a
khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh	KX	xã Hồng Thái	H. Ninh Giang	20° 43' 25"	106° 21' 17"					F-48-81-D-a
thôn Hán Lý	DC	xã Hưng Long	H. Ninh Giang	20° 43' 02"	106° 17' 39"					F-48-81-D-a
thôn Hào Khê	DC	xã Hưng Long	H. Ninh Giang	20° 42' 30"	106° 17' 41"					F-48-81-D-a
thôn Trại Hào	DC	xã Hưng Long	H. Ninh Giang	20° 41' 37"	106° 17' 59"					F-48-81-D-a
Cầu Hiệp	KX	xã Hưng Long	H. Ninh Giang	20° 41' 31"	106° 18' 09"					F-48-81-D-a
Chùa Trông	KX	xã Hưng Long	H. Ninh Giang	20° 42' 42"	106° 17' 28"					F-48-81-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Hán Lý	KX	xã Hưng Long	H. Ninh Giang	20° 43' 00"	106° 17' 43"					F-48-81-D-a
Đường tỉnh 396B	KX	xã Hưng Long	H. Ninh Giang			20° 46' 49"	106° 17' 25"	20° 41' 31"	106° 18' 09"	F-48-81-D-a
Sông Luộc	TV	xã Hưng Long	H. Ninh Giang			20° 41' 07"	106° 16' 03"	20° 45' 40"	106° 29' 46"	F-48-81-D-a
thôn An Lý	DC	xã Hưng Thái	H. Ninh Giang	20° 43' 40"	106° 17' 44"					F-48-81-D-a
thôn Văn Diệm	DC	xã Hưng Thái	H. Ninh Giang	20° 43' 14"	106° 17' 14"					F-48-81-D-a
đền Văn Diệm	KX	xã Hưng Thái	H. Ninh Giang	20° 43' 22"	106° 17' 06"					F-48-81-D-a
đình Văn Diệm	KX	xã Hưng Thái	H. Ninh Giang	20° 43' 21"	106° 17' 06"					F-48-81-D-a
Đường tỉnh 396	KX	xã Hưng Thái	H. Ninh Giang			20° 44' 36"	106° 22' 59"	20° 43' 27"	106° 13' 05"	F-48-81-D-a
Đường tỉnh 396B	KX	xã Hưng Thái	H. Ninh Giang			20° 46' 49"	106° 17' 25"	20° 41' 31"	106° 18' 09"	F-48-81-D-a
thôn An Cúc	DC	xã Kiến Quốc	H. Ninh Giang	20° 44' 09"	106° 19' 37"					F-48-81-D-a
thôn Cúc Bồ	DC	xã Kiến Quốc	H. Ninh Giang	20° 42' 59"	106° 19' 40"					F-48-81-D-a
thôn Cúc Thị	DC	xã Kiến Quốc	H. Ninh Giang	20° 43' 07"	106° 19' 15"					F-48-81-D-a
thôn Lũng Quý	DC	xã Kiến Quốc	H. Ninh Giang	20° 43' 37"	106° 19' 38"					F-48-81-D-a
thôn Ngọc Chi	DC	xã Kiến Quốc	H. Ninh Giang	20° 44' 18"	106° 19' 26"					F-48-81-D-a
chùa Ngọc Chi	KX	xã Kiến Quốc	H. Ninh Giang	20° 44' 22"	106° 19' 27"					F-48-81-D-a
đền Khúc Thừa Dụ	KX	xã Kiến Quốc	H. Ninh Giang	20° 42' 48"	106° 19' 40"					F-48-81-D-a
đình Cúc Bồ	KX	xã Kiến Quốc	H. Ninh Giang	20° 42' 48"	106° 19' 42"					F-48-81-D-a
Đường tỉnh 396	KX	xã Kiến Quốc	H. Ninh Giang			20° 44' 36"	106° 22' 59"	20° 43' 27"	106° 13' 05"	F-48-81-D-a
Sông Luộc	TV	xã Kiến Quốc	H. Ninh Giang			20° 41' 07"	106° 16' 03"	20° 45' 40"	106° 29' 46"	F-48-81-D-a
thôn An Cư	DC	xã Nghĩa An	H. Ninh Giang	20° 46' 47"	106° 22' 53"					F-48-81-B-d
thôn Do Nghĩa	DC	xã Nghĩa An	H. Ninh Giang	20° 46' 49"	106° 21' 57"					F-48-81-B-c
thôn Đa Nghi	DC	xã Nghĩa An	H. Ninh Giang	20° 47' 20"	106° 21' 55"					F-48-81-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phù Lịch	DC	xã Nghĩa An	H. Ninh Giang	20° 47' 07"	106° 22' 45"					F-48-81-B-d
thôn Trịnh Xuyên	DC	xã Nghĩa An	H. Ninh Giang	20° 47' 02"	106° 21' 05"					F-48-81-B-c
cầu Đại Xuân	KX	xã Nghĩa An	H. Ninh Giang	20° 47' 27"	106° 21' 13"					F-48-81-B-c
Cầu Ràm	KX	xã Nghĩa An	H. Ninh Giang	20° 46' 31"	106° 21' 58"					F-48-81-B-c
chùa Trịnh Xuyên	KX	xã Nghĩa An	H. Ninh Giang	20° 47' 02"	106° 20' 51"					F-48-81-B-c
đình Trịnh Xuyên	KX	xã Nghĩa An	H. Ninh Giang	20° 47' 07"	106° 21' 04"					F-48-81-B-c
Đường tỉnh 392	KX	xã Nghĩa An	H. Ninh Giang			20° 54' 27"	106° 08' 55"	20° 49' 12"	106° 24' 20"	F-48-81-B-c
Quốc lộ 37	KX	xã Nghĩa An	H. Ninh Giang			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-B-c
sông Cửu An	TV	xã Nghĩa An	H. Ninh Giang			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-B-d
Sông Nhũ	TV	xã Nghĩa An	H. Ninh Giang			20° 46' 39"	106° 23' 22"	20° 49' 01"	106° 21' 29"	F-48-81-B-c; F-48-81-B-d
thôn Bồng Lai	DC	xã Ninh Hải	H. Ninh Giang	20° 44' 54"	106° 21' 05"					F-48-81-D-a
thôn Đồng Bình	DC	xã Ninh Hải	H. Ninh Giang	20° 44' 03"	106° 20' 26"					F-48-81-D-a
thôn Nhân Lý	DC	xã Ninh Hải	H. Ninh Giang	20° 44' 50"	106° 20' 37"					F-48-81-B-c; F-48-81-D-a
Xóm Mai	DC	xã Ninh Hải	H. Ninh Giang	20° 44' 35"	106° 21' 12"					F-48-81-D-a
chùa Bồng Lai	KX	xã Ninh Hải	H. Ninh Giang	20° 44' 52"	106° 21' 00"					F-48-81-D-a
đình Bồng Lai	KX	xã Ninh Hải	H. Ninh Giang	20° 44' 51"	106° 21' 01"					F-48-81-D-a
đình Đồng Bình	KX	xã Ninh Hải	H. Ninh Giang	20° 44' 09"	106° 20' 29"					F-48-81-D-a
thôn Đoan Xuyên	DC	xã Ninh Hòa	H. Ninh Giang	20° 46' 48"	106° 19' 49"					F-48-81-B-c
thôn Đồng Hy	DC	xã Ninh Hòa	H. Ninh Giang	20° 47' 08"	106° 19' 35"					F-48-81-B-c
xóm Lạc Trung	DC	xã Ninh Hòa	H. Ninh Giang	20° 47' 39"	106° 19' 47"					F-48-81-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Đĩnh Đào	TV	xã Ninh Hòa	H. Ninh Giang			20° 54' 02"	106° 14' 21"	20° 49' 23"	106° 22' 03"	F-48-81-B-c
thôn Đan Bối	DC	xã Ninh Thành	H. Ninh Giang	20° 46' 07"	106° 22' 22"					F-48-81-B-c
thôn Đan Cầu	DC	xã Ninh Thành	H. Ninh Giang	20° 46' 02"	106° 22' 00"					F-48-81-B-c
Thôn Đen	DC	xã Ninh Thành	H. Ninh Giang	20° 45' 41"	106° 21' 37"					F-48-81-B-c
thôn Đông Tân	DC	xã Ninh Thành	H. Ninh Giang	20° 46' 25"	106° 22' 51"					F-48-81-B-d
thôn La Khê	DC	xã Ninh Thành	H. Ninh Giang	20° 45' 22"	106° 21' 49"					F-48-81-B-c
thôn Phú Mỹ	DC	xã Ninh Thành	H. Ninh Giang	20° 46' 20"	106° 22' 18"					F-48-81-B-c
Quốc lộ 37	KX	xã Ninh Thành	H. Ninh Giang			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-B-c
sông Cửu An	TV	xã Ninh Thành	H. Ninh Giang			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-B-d
thôn Thiên Khánh	DC	xã Quang Hưng	H. Ninh Giang	20° 45' 04"	106° 16' 54"					F-48-81-B-c; F-48-81-D-a
thôn Thọ Sơn	DC	xã Quang Hưng	H. Ninh Giang	20° 44' 59"	106° 17' 26"					F-48-81-B-c; F-48-81-D-a
thôn Văn Minh	DC	xã Quang Hưng	H. Ninh Giang	20° 44' 53"	106° 17' 20"					F-48-81-B-c; F-48-81-D-a
sông Cửu An	TV	xã Quang Hưng	H. Ninh Giang			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-B-c
thôn Cẩm Bối	DC	xã Quyết Thắng	H. Ninh Giang	20° 48' 14"	106° 20' 59"					F-48-81-B-c
thôn Đồng Lại	DC	xã Quyết Thắng	H. Ninh Giang	20° 48' 00"	106° 21' 09"					F-48-81-B-c
thôn Quảng Nội	DC	xã Quyết Thắng	H. Ninh Giang	20° 47' 51"	106° 20' 51"					F-48-81-B-c
Đường tỉnh 390	KX	xã Quyết Thắng	H. Ninh Giang			20° 58' 28"	106° 23' 00"	20° 49' 57"	106° 29' 29"	F-48-81-B-c
Quốc lộ 37	KX	xã Quyết Thắng	H. Ninh Giang			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-B-c
sông Đĩnh Đào	TV	xã Quyết Thắng	H. Ninh Giang			20° 54' 02"	106° 14' 21"	20° 49' 23"	106° 22' 03"	F-48-81-B-c
Sông Nhũ	TV	xã Quyết Thắng	H. Ninh Giang			20° 46' 39"	106° 23' 22"	20° 49' 01"	106° 21' 29"	F-48-81-B-c; F-48-81-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 1	DC	xã Tân Hương	H. Ninh Giang	20° 46' 30"	106° 21' 13"					F-48-81-B-c
Thôn 2	DC	xã Tân Hương	H. Ninh Giang	20° 46' 13"	106° 21' 37"					F-48-81-B-c
Thôn 3	DC	xã Tân Hương	H. Ninh Giang	20° 46' 06"	106° 21' 42"					F-48-81-B-c
Thôn 4	DC	xã Tân Hương	H. Ninh Giang	20° 46' 15"	106° 21' 29"					F-48-81-B-c
Thôn 5	DC	xã Tân Hương	H. Ninh Giang	20° 46' 00"	106° 21' 31"					F-48-81-B-c
Thôn 6	DC	xã Tân Hương	H. Ninh Giang	20° 45' 57"	106° 21' 41"					F-48-81-B-c
Thôn 7	DC	xã Tân Hương	H. Ninh Giang	20° 46' 16"	106° 21' 09"					F-48-81-B-c
xóm Bối Thị	DC	xã Tân Hương	H. Ninh Giang	20° 46' 08"	106° 21' 19"					F-48-81-B-c
xóm Đạo Lương	DC	xã Tân Hương	H. Ninh Giang	20° 46' 24"	106° 21' 03"					F-48-81-B-c
Xóm Trượi	DC	xã Tân Hương	H. Ninh Giang	20° 45' 24"	106° 22' 17"					F-48-81-B-c
Cầu Ràm	KX	xã Tân Hương	H. Ninh Giang	20° 46' 31"	106° 21' 58"					F-48-81-B-c
Cầu Trượi	KX	xã Tân Hương	H. Ninh Giang	20° 45' 39"	106° 22' 18"					F-48-81-B-c
Đình Cả	KX	xã Tân Hương	H. Ninh Giang	20° 46' 07"	106° 21' 29"					F-48-81-B-c
Đường tỉnh 392	KX	xã Tân Hương	H. Ninh Giang			20° 54' 27"	106° 08' 55"	20° 49' 12"	106° 24' 20"	F-48-81-B-c
Quốc lộ 37	KX	xã Tân Hương	H. Ninh Giang			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-B-c
sông Cửu An	TV	xã Tân Hương	H. Ninh Giang			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-B-d
thôn Hữu Chung	DC	xã Tân Phong	H. Ninh Giang	20° 44' 38"	106° 18' 46"					F-48-81-D-a
thôn Tam Tập	DC	xã Tân Phong	H. Ninh Giang	20° 43' 27"	106° 19' 07"					F-48-81-D-a
thôn Tân Hoa	DC	xã Tân Phong	H. Ninh Giang	20° 43' 45"	106° 18' 42"					F-48-81-D-a
thôn Tân Thành	DC	xã Tân Phong	H. Ninh Giang	20° 43' 53"	106° 18' 35"					F-48-81-D-a
thôn Tiền Liệt	DC	xã Tân Phong	H. Ninh Giang	20° 44' 18"	106° 18' 43"					F-48-81-D-a
Trại Chuông	DC	xã Tân Phong	H. Ninh Giang	20° 45' 12"	106° 19' 15"					F-48-81-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Tam Tập	KX	xã Tân Phong	H. Ninh Giang	20° 43' 33"	106° 19' 04"					F-48-81-D-a
sông Cửu An	TV	xã Tân Phong	H. Ninh Giang			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-B-c
thôn Đoàn Xá	DC	xã Tân Quang	H. Ninh Giang	20° 44' 49"	106° 16' 36"					F-48-81-D-a
thôn Hội Xá	DC	xã Tân Quang	H. Ninh Giang	20° 44' 10"	106° 16' 50"					F-48-81-D-a
Đường tỉnh 396B	KX	xã Tân Quang	H. Ninh Giang			20° 46' 49"	106° 17' 25"	20° 41' 31"	106° 18' 09"	F-48-81-D-a
thôn Đồng Vạn	DC	xã Ứng Hòe	H. Ninh Giang	20° 46' 53"	106° 20' 28"					F-48-81-B-c
thôn Đỗ Xá	DC	xã Ứng Hòe	H. Ninh Giang	20° 47' 30"	106° 20' 44"					F-48-81-B-c
cầu Đại Xuân	KX	xã Ứng Hòe	H. Ninh Giang	20° 47' 27"	106° 21' 13"					F-48-81-B-c
Cầu Bía	KX	xã Ứng Hòe	H. Ninh Giang	20° 48' 09"	106° 20' 09"					F-48-81-B-c
Quốc lộ 37	KX	xã Ứng Hòe	H. Ninh Giang			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-B-c
sông Đĩnh Đào	TV	xã Ứng Hòe	H. Ninh Giang			20° 54' 02"	106° 14' 21"	20° 49' 23"	106° 22' 03"	F-48-81-B-c
Thôn 1	DC	xã Vạn Phúc	H. Ninh Giang	20° 46' 13"	106° 20' 20"					F-48-81-B-c
Thôn 2	DC	xã Vạn Phúc	H. Ninh Giang	20° 46' 10"	106° 19' 13"					F-48-81-B-c
Thôn 3	DC	xã Vạn Phúc	H. Ninh Giang	20° 46' 09"	106° 18' 57"					F-48-81-B-c
Thôn 4	DC	xã Vạn Phúc	H. Ninh Giang	20° 46' 18"	106° 19' 26"					F-48-81-B-c
Đường tỉnh 392	KX	xã Vạn Phúc	H. Ninh Giang			20° 54' 27"	106° 08' 55"	20° 49' 12"	106° 24' 20"	F-48-81-B-c
sông Cửu An	TV	xã Vạn Phúc	H. Ninh Giang			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-B-c
Thôn 1	DC	xã Văn Giang	H. Ninh Giang	20° 42' 24"	106° 16' 12"					F-48-81-D-a
Thôn 2	DC	xã Văn Giang	H. Ninh Giang	20° 41' 58"	106° 16' 25"					F-48-81-D-a
Thôn 3	DC	xã Văn Giang	H. Ninh Giang	20° 42' 37"	106° 16' 47"					F-48-81-D-a
đình Phù Cựu	KX	xã Văn Giang	H. Ninh Giang	20° 42' 26"	106° 16' 11"					F-48-81-D-a
Sông Luộc	TV	xã Văn Giang	H. Ninh Giang			20° 41' 07"	106° 16' 03"	20° 45' 40"	106° 29' 46"	F-48-81-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đào Lạng	DC	xã Văn Hội	H. Ninh Giang	20° 43' 43"	106° 16' 42"					F-48-81-D-a
thôn Tuy Lai	DC	xã Văn Hội	H. Ninh Giang	20° 43' 22"	106° 16' 13"					F-48-81-D-a
thôn Văn Hội	DC	xã Văn Hội	H. Ninh Giang	20° 43' 24"	106° 15' 48"					F-48-81-D-a
Đường tỉnh 396	KX	xã Văn Hội	H. Ninh Giang			20° 44' 36"	106° 22' 59"	20° 43' 27"	106° 13' 05"	F-48-81-D-a
thôn Ngọc Hòa	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Ninh Giang	20° 45' 35"	106° 23' 08"					F-48-81-B-d
thôn Vĩnh Xuyên	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Ninh Giang	20° 45' 02"	106° 23' 02"					F-48-81-B-d
chùa Vĩnh Xuyên	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Ninh Giang	20° 44' 58"	106° 23' 05"					F-48-81-B-d
Chùa Hòa	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Ninh Giang	20° 45' 28"	106° 23' 07"					F-48-81-B-d
Đền Cả	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Ninh Giang	20° 45' 41"	106° 22' 50"					F-48-81-B-d
Quốc lộ 37	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Ninh Giang			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-B-c
sông Cửu An	TV	xã Vĩnh Hòa	H. Ninh Giang			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-B-d
Khu 1	DC	TT. Thanh Hà	H. Thanh Hà	20° 53' 44"	106° 25' 33"					F-48-81-B-b
Khu 2	DC	TT. Thanh Hà	H. Thanh Hà	20° 54' 00"	106° 25' 36"					F-48-81-B-b
Khu 3	DC	TT. Thanh Hà	H. Thanh Hà	20° 54' 14"	106° 25' 41"					F-48-81-B-b
Khu 4	DC	TT. Thanh Hà	H. Thanh Hà	20° 54' 27"	106° 25' 39"					F-48-81-B-b
Khu 5	DC	TT. Thanh Hà	H. Thanh Hà	20° 54' 21"	106° 25' 27"					F-48-81-B-b
Khu 6	DC	TT. Thanh Hà	H. Thanh Hà	20° 54' 12"	106° 25' 31"					F-48-81-B-b
Khu 7	DC	TT. Thanh Hà	H. Thanh Hà	20° 54' 02"	106° 25' 21"					F-48-81-B-b
Khu 8	DC	TT. Thanh Hà	H. Thanh Hà	20° 54' 17"	106° 25' 14"					F-48-81-B-b
Khu 9	DC	TT. Thanh Hà	H. Thanh Hà	20° 54' 36"	106° 24' 56"					F-48-81-B-b
Cầu Hương	KX	TT. Thanh Hà	H. Thanh Hà	20° 54' 37"	106° 25' 34"					F-48-81-B-b
Đường tỉnh 390	KX	TT. Thanh Hà	H. Thanh Hà			20° 58' 28"	106° 23' 00"	20° 49' 57"	106° 29' 29"	F-48-81-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 390B	KX	TT. Thanh Hà	H. Thanh Hà			20° 58' 28"	106° 23' 00"	20° 53' 56"	106° 21' 02"	F-48-81-B-b
Sông Hương	TV	TT. Thanh Hà	H. Thanh Hà			20° 58' 51"	106° 22' 13"	20° 52' 57"	106° 27' 49"	F-48-81-B-b
thôn An Lại	DC	xã An Lương	H. Thanh Hà	20° 52' 43"	106° 24' 33"					F-48-81-B-b
thôn Du La	DC	xã Cẩm Chế	H. Thanh Hà	20° 55' 42"	106° 25' 49"					F-48-81-B-b
thôn Hoàng Lại	DC	xã An Lương	H. Thanh Hà	20° 52' 38"	106° 24' 46"					F-48-81-B-b
thôn Kỳ Tây	DC	xã Cẩm Chế	H. Thanh Hà	20° 56' 01"	106° 25' 59"					F-48-81-B-b
thôn Lương Lại	DC	xã An Lương	H. Thanh Hà	20° 52' 49"	106° 24' 42"					F-48-81-B-b
thôn Nhân Lư	DC	xã Cẩm Chế	H. Thanh Hà	20° 55' 25"	106° 25' 47"					F-48-81-B-b
thôn Phương La	DC	xã Cẩm Chế	H. Thanh Hà	20° 56' 14"	106° 25' 24"					F-48-81-B-b
xóm Ba Sào	DC	xã An Lương	H. Thanh Hà	20° 52' 25"	106° 24' 39"					F-48-81-B-d
Xóm Chàng	DC	xã An Lương	H. Thanh Hà	20° 52' 26"	106° 25' 00"					F-48-81-B-d
xóm Đồng Bái	DC	xã An Lương	H. Thanh Hà	20° 52' 31"	106° 25' 09"					F-48-81-B-b; F-48-81-B-d
xóm Lập Đạo	DC	xã An Lương	H. Thanh Hà	20° 52' 56"	106° 24' 54"					F-48-81-B-b
xóm Hồng Quang	DC	xã An Lương	H. Thanh Hà	20° 52' 49"	106° 24' 26"					F-48-81-B-b
xóm Trường Giang	DC	xã Cẩm Chế	H. Thanh Hà	20° 54' 39"	106° 26' 19"					F-48-81-B-b
chùa Linh Quang	KX	xã Cẩm Chế	H. Thanh Hà	20° 55' 33"	106° 25' 41"					F-48-81-B-b
Cầu Hương	KX	xã Cẩm Chế	H. Thanh Hà	20° 54' 37"	106° 25' 34"					F-48-81-B-b
Chợ Cháy	KX	xã Cẩm Chế	H. Thanh Hà	20° 55' 51"	106° 25' 41"					F-48-81-B-b
đền Chợ Cháy	KX	xã Cẩm Chế	H. Thanh Hà	20° 55' 55"	106° 25' 41"					F-48-81-B-b
Đò Côm	KX	xã Cẩm Chế	H. Thanh Hà	20° 55' 59"	106° 25' 08"					F-48-81-B-b
Đường tỉnh 390B	KX	xã Cẩm Chế	H. Thanh Hà			20° 58' 28"	106° 23' 00"	20° 53' 56"	106° 21' 02"	F-48-81-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Hương	TV	xã Cẩm Chế	H. Thanh Hà			20° 58' 51"	106° 22' 13"	20° 52' 57"	106° 27' 49"	F-48-81-B-b
Thôn Bắc	DC	xã Hồng Lạc	H. Thanh Hà	20° 57' 55"	106° 24' 00"					F-48-81-B-b
Thôn Đoài	DC	xã Hồng Lạc	H. Thanh Hà	20° 57' 38"	106° 23' 55"					F-48-81-B-b
Thôn Đông	DC	xã Hồng Lạc	H. Thanh Hà	20° 57' 41"	106° 24' 08"					F-48-81-B-b
thôn Đồng Hởi	DC	xã Hồng Lạc	H. Thanh Hà	20° 57' 21"	106° 23' 40"					F-48-81-B-b
thôn Đồng Vang	DC	xã Hồng Lạc	H. Thanh Hà	20° 57' 17"	106° 23' 57"					F-48-81-B-b
thôn Hải Hộ	DC	xã Hồng Lạc	H. Thanh Hà	20° 56' 58"	106° 23' 49"					F-48-81-B-b
thôn Hải Yến	DC	xã Hồng Lạc	H. Thanh Hà	20° 56' 44"	106° 23' 28"					F-48-81-B-b
Thôn Nam	DC	xã Hồng Lạc	H. Thanh Hà	20° 57' 31"	106° 24' 01"					F-48-81-B-b
cầu Lai Vu	KX	xã Hồng Lạc	H. Thanh Hà	20° 58' 31"	106° 23' 09"					F-48-81-B-b
đò Lai Vu	KX	xã Hồng Lạc	H. Thanh Hà	20° 58' 34"	106° 24' 20"					F-48-81-B-b
Đình Mè	KX	xã Hồng Lạc	H. Thanh Hà	20° 57' 43"	106° 23' 57"					F-48-81-B-b
Đường tỉnh 390B	KX	xã Hồng Lạc	H. Thanh Hà			20° 58' 28"	106° 23' 00"	20° 53' 56"	106° 21' 02"	F-48-81-B-b
Quốc lộ 5	KX	xã Hồng Lạc	H. Thanh Hà			20° 55' 27"	106° 09' 02"	20° 56' 42"	106° 32' 29"	F-48-81-B-b
Sông Hương	TV	xã Hồng Lạc	H. Thanh Hà			20° 58' 51"	106° 22' 13"	20° 52' 57"	106° 27' 49"	F-48-81-B-b
Sông Rạng	TV	xã Hồng Lạc	H. Thanh Hà			20° 59' 50"	106° 24' 31"	20° 52' 25"	106° 28' 20"	F-48-81-B-b
thôn Bá Hoàng	DC	xã Hợp Đức	H. Thanh Hà	20° 51' 31"	106° 27' 21"					F-48-81-B-d
thôn Bá Nha	DC	xã Hợp Đức	H. Thanh Hà	20° 52' 17"	106° 27' 40"					F-48-81-B-b; F-48-81-B-d
thôn Nhân Hiền	DC	xã Hợp Đức	H. Thanh Hà	20° 51' 59"	106° 28' 00"					F-48-81-B-d
thôn Thống Lĩnh	DC	xã Hợp Đức	H. Thanh Hà	20° 51' 48"	106° 27' 25"					F-48-81-B-d
cầu Hợp Thanh	KX	xã Hợp Đức	H. Thanh Hà	20° 52' 19"	106° 27' 23"					F-48-81-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Trung Hoa Tự	KX	xã Hợp Đức	H. Thanh Hà	20° 51' 58"	106° 28' 09"					F-48-81-B-d
Đường tỉnh 390	KX	xã Hợp Đức	H. Thanh Hà			20° 58' 28"	106° 23' 00"	20° 49' 57"	106° 29' 29"	F-48-81-B-d
sông Thái Bình	TV	xã Hợp Đức	H. Thanh Hà			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-b; F-48-81-B-d
sông Văn Úc	TV	xã Hợp Đức	H. Thanh Hà			20° 52' 25"	106° 28' 16"	20° 48' 07"	106° 30' 24"	F-48-81-B-d
thôn Mạc Động	DC	xã Liên Mạc	H. Thanh Hà	20° 55' 07"	106° 26' 12"					F-48-81-B-b
thôn Mạc Thủ 1	DC	xã Liên Mạc	H. Thanh Hà	20° 55' 21"	106° 26' 45"					F-48-81-B-b
thôn Mạc Thủ 2	DC	xã Liên Mạc	H. Thanh Hà	20° 55' 30"	106° 26' 55"					F-48-81-B-b
thôn Tiêu Xá	DC	xã Liên Mạc	H. Thanh Hà	20° 55' 15"	106° 26' 45"					F-48-81-B-b
thôn Văn Mạc	DC	xã Liên Mạc	H. Thanh Hà	20° 55' 43"	106° 26' 30"					F-48-81-B-b
cầu sắt Bến Gạo	KX	xã Liên Mạc	H. Thanh Hà	20° 55' 17"	106° 26' 56"					F-48-81-B-b
sông Bến Gạo	TV	xã Liên Mạc	H. Thanh Hà			20° 56' 25"	106° 27' 15"	20° 54' 50"	106° 27' 00"	F-48-81-B-b
Sông Hương	TV	xã Liên Mạc	H. Thanh Hà			20° 58' 51"	106° 22' 13"	20° 52' 57"	106° 27' 49"	F-48-81-B-b
thôn Ngoại Đàm	DC	xã Phượng Hoàng	H. Thanh Hà	20° 52' 02"	106° 24' 12"					F-48-81-B-d
thôn Phượng Đầu	DC	xã Phượng Hoàng	H. Thanh Hà	20° 51' 39"	106° 24' 35"					F-48-81-B-d
thôn Tứ Cường	DC	xã Phượng Hoàng	H. Thanh Hà	20° 51' 37"	106° 24' 48"					F-48-81-B-d
thôn Văn Xuyên	DC	xã Phượng Hoàng	H. Thanh Hà	20° 51' 58"	106° 25' 00"					F-48-81-B-d
xóm Đò Sĩ	DC	xã Phượng Hoàng	H. Thanh Hà	20° 51' 00"	106° 25' 29"					F-48-81-B-d
Đò Lạng	KX	xã Phượng Hoàng	H. Thanh Hà	20° 51' 38"	106° 23' 29"					F-48-81-B-d
Đò Sĩ	KX	xã Phượng Hoàng	H. Thanh Hà	20° 50' 42"	106° 25' 33"					F-48-81-B-d
sông Thái Bình	TV	xã Phượng Hoàng	H. Thanh Hà			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-d
thôn Dương Xuân	DC	xã Quyết Thắng	H. Thanh Hà	20° 56' 19"	106° 22' 38"					F-48-81-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đông Lĩnh	DC	xã Quyết Thắng	H. Thanh Hà	20° 55' 57"	106° 23' 20"					F-48-81-B-b
thôn Hoàng Xá	DC	xã Quyết Thắng	H. Thanh Hà	20° 55' 40"	106° 22' 55"					F-48-81-B-b
miếu Bát Giáp	KX	xã Quyết Thắng	H. Thanh Hà	20° 55' 43"	106° 22' 43"					F-48-81-B-b
miếu Đông Lĩnh	KX	xã Quyết Thắng	H. Thanh Hà	20° 55' 58"	106° 23' 21"					F-48-81-B-b
miếu Tứ Giáp	KX	xã Quyết Thắng	H. Thanh Hà	20° 55' 59"	106° 22' 46"					F-48-81-B-b
Sông Hương	TV	xã Quyết Thắng	H. Thanh Hà			20° 58' 51"	106° 22' 13"	20° 52' 57"	106° 27' 49"	F-48-81-B-b
thôn Đông Phan	DC	xã Tân An	H. Thanh Hà	20° 54' 13"	106° 24' 39"					F-48-81-B-b
thôn Song Động	DC	xã Tân An	H. Thanh Hà	20° 54' 31"	106° 23' 52"					F-48-81-B-b
Chùa Cả	KX	xã Tân An	H. Thanh Hà	20° 54' 02"	106° 24' 22"					F-48-81-B-b
đình Lôi Động	KX	xã Tân An	H. Thanh Hà	20° 54' 33"	106° 23' 55"					F-48-81-B-b
Đường tỉnh 390	KX	xã Tân An	H. Thanh Hà			20° 58' 28"	106° 23' 00"	20° 49' 57"	106° 29' 29"	F-48-81-B-b
Đường tỉnh 390C	KX	xã Tân An	H. Thanh Hà			20° 58' 44"	106° 21' 37"	20° 54' 03"	106° 23' 32"	F-48-81-B-b
Sông Hương	TV	xã Tân An	H. Thanh Hà			20° 58' 51"	106° 22' 13"	20° 52' 57"	106° 27' 49"	F-48-81-B-b
thôn Cam Lộ	DC	xã Tân Việt	H. Thanh Hà	20° 56' 13"	106° 24' 25"					F-48-81-B-b
thôn Ngọc Lộ	DC	xã Tân Việt	H. Thanh Hà	20° 55' 37"	106° 24' 17"					F-48-81-B-b
thôn Vạn Tuế	DC	xã Tân Việt	H. Thanh Hà	20° 55' 44"	106° 24' 58"					F-48-81-B-b
xóm Bắc Cường	DC	xã Tân Việt	H. Thanh Hà	20° 56' 25"	106° 24' 34"					F-48-81-B-b
chùa Ngọc Lộ	KX	xã Tân Việt	H. Thanh Hà	20° 55' 40"	106° 24' 06"					F-48-81-B-b
Đò Côm	KX	xã Tân Việt	H. Thanh Hà	20° 55' 59"	106° 25' 08"					F-48-81-B-b
Đò Vàng	KX	xã Tân Việt	H. Thanh Hà	20° 55' 43"	106° 23' 41"					F-48-81-B-b
Sông Hương	TV	xã Tân Việt	H. Thanh Hà			20° 58' 51"	106° 22' 13"	20° 52' 57"	106° 27' 49"	F-48-81-B-b
thôn Quách An	DC	xã Thanh An	H. Thanh Hà	20° 56' 39"	106° 26' 57"					F-48-81-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tiên Tảo	DC	xã Thanh An	H. Thanh Hà	20° 56' 08"	106° 26' 55"					F-48-81-B-b
thôn Văn Tảo	DC	xã Thanh An	H. Thanh Hà	20° 56' 47"	106° 26' 36"					F-48-81-B-b
cầu Liên Minh	KX	xã Thanh An	H. Thanh Hà	20° 56' 07"	106° 27' 22"					F-48-81-B-b
chợ Liên Minh	KX	xã Thanh An	H. Thanh Hà	20° 56' 05"	106° 27' 34"					F-48-81-B-b
đền Ngọc Hoa	KX	xã Thanh An	H. Thanh Hà	20° 56' 48"	106° 26' 38"					F-48-81-B-b
Đò Phạm	KX	xã Thanh An	H. Thanh Hà	20° 57' 12"	106° 27' 10"					F-48-81-B-b
sông Bến Gạo	TV	xã Thanh An	H. Thanh Hà			20° 56' 25"	106° 27' 15"	20° 54' 50"	106° 27' 00"	F-48-81-B-b
Sông Rạng	TV	xã Thanh An	H. Thanh Hà			20° 59' 50"	106° 24' 31"	20° 52' 25"	106° 28' 20"	F-48-81-B-b
thôn Đồng Bửa	DC	xã Thanh Bính	H. Thanh Hà	20° 50' 37"	106° 27' 54"					F-48-81-B-d
thôn Hạ Vĩnh	DC	xã Thanh Bính	H. Thanh Hà	20° 50' 02"	106° 28' 38"					F-48-81-B-d
thôn Mạnh Tiến	DC	xã Thanh Bính	H. Thanh Hà	20° 51' 14"	106° 27' 41"					F-48-81-B-d
thôn Phúc Giới	DC	xã Thanh Bính	H. Thanh Hà	20° 51' 01"	106° 27' 44"					F-48-81-B-d
thôn Thanh Lanh	DC	xã Thanh Bính	H. Thanh Hà	20° 51' 20"	106° 28' 16"					F-48-81-B-d
cống Chợ Hạ	KX	xã Thanh Bính	H. Thanh Hà	20° 50' 40"	106° 28' 09"					F-48-81-B-d
đền Từ Hạ	KX	xã Thanh Bính	H. Thanh Hà	20° 50' 52"	106° 27' 40"					F-48-81-B-d
Đò Hệ	KX	xã Thanh Bính	H. Thanh Hà	20° 50' 54"	106° 29' 03"					F-48-81-B-d
Đường tỉnh 390	KX	xã Thanh Bính	H. Thanh Hà			20° 58' 28"	106° 23' 00"	20° 49' 57"	106° 29' 29"	F-48-81-B-d
sông Lạch Tray	TV	xã Thanh Bính	H. Thanh Hà			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 52' 11"	106° 32' 42"	F-48-81-B-d
sông Văn Úc	TV	xã Thanh Bính	H. Thanh Hà			20° 52' 25"	106° 28' 16"	20° 48' 07"	106° 30' 24"	F-48-81-B-d
thôn Hạ Trường	DC	xã Thanh Cường	H. Thanh Hà	20° 50' 33"	106° 29' 19"					F-48-81-B-d
thôn Thành Thịnh	DC	xã Thanh Cường	H. Thanh Hà	20° 50' 16"	106° 28' 09"					F-48-81-B-d
thôn Vĩnh Bình	DC	xã Thanh Cường	H. Thanh Hà	20° 50' 21"	106° 29' 02"					F-48-81-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Vĩnh Ninh	DC	xã Thanh Cường	H. Thanh Hà	20° 49' 34"	106° 28' 34"					F-48-81-B-d
thôn Vĩnh Xá	DC	xã Thanh Cường	H. Thanh Hà	20° 50' 07"	106° 29' 07"					F-48-81-B-d
Cầu Đá	KX	xã Thanh Cường	H. Thanh Hà	20° 50' 02"	106° 29' 05"					F-48-81-B-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Thanh Cường	H. Thanh Hà			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-B-d
Đường tỉnh 390	KX	xã Thanh Cường	H. Thanh Hà			20° 58' 28"	106° 23' 00"	20° 49' 57"	106° 29' 29"	F-48-81-B-d
phà Quang Thanh	KX	xã Thanh Cường	H. Thanh Hà	20° 49' 56"	106° 29' 32"					F-48-81-B-d
sông Văn Úc	TV	xã Thanh Cường	H. Thanh Hà			20° 52' 25"	106° 28' 16"	20° 48' 07"	106° 30' 24"	F-48-81-B-d
thôn An Liệt	DC	xã Thanh Hải	H. Thanh Hà	20° 53' 23"	106° 24' 11"					F-48-81-B-b
thôn Thừa Liệt	DC	xã Thanh Hải	H. Thanh Hà	20° 53' 08"	106° 23' 42"					F-48-81-B-b
thôn Tiền Vĩ	DC	xã Thanh Hải	H. Thanh Hà	20° 53' 30"	106° 23' 33"					F-48-81-B-b
xóm Cầu	DC	xã Thanh Hải	H. Thanh Hà	20° 54' 03"	106° 23' 30"					F-48-81-B-b
đền An Liệt	KX	xã Thanh Hải	H. Thanh Hà	20° 53' 21"	106° 23' 59"					F-48-81-B-b
Đường tỉnh 390	KX	xã Thanh Hải	H. Thanh Hà			20° 58' 28"	106° 23' 00"	20° 49' 57"	106° 29' 29"	F-48-81-B-b
Miếu Cả	KX	xã Thanh Hải	H. Thanh Hà	20° 53' 23"	106° 23' 37"					F-48-81-B-b
sông Thái Bình	TV	xã Thanh Hải	H. Thanh Hà			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-a; F-48-81-B-b; F-48-81-B-d
Xóm Bửa	DC	xã Thanh Hồng	H. Thanh Hà	20° 50' 24"	106° 27' 21"					F-48-81-B-d
xóm Dồi Thần	DC	xã Thanh Hồng	H. Thanh Hà	20° 50' 45"	106° 27' 44"					F-48-81-B-d
xóm Đầm Lác	DC	xã Thanh Hồng	H. Thanh Hà	20° 50' 12"	106° 27' 45"					F-48-81-B-d
xóm Hồng Bắc	DC	xã Thanh Hồng	H. Thanh Hà	20° 50' 22"	106° 27' 28"					F-48-81-B-d
xóm Hồng Đức	DC	xã Thanh Hồng	H. Thanh Hà	20° 50' 04"	106° 28' 20"					F-48-81-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Hồng Kỳ	DC	xã Thanh Hồng	H. Thanh Hà	20° 50' 00"	106° 26' 48"					F-48-81-B-d
thôn Lập Lễ	DC	xã Thanh Hồng	H. Thanh Hà	20° 49' 21"	106° 26' 40"					F-48-81-B-d
thôn Nhan Bầu	DC	xã Thanh Hồng	H. Thanh Hà	20° 50' 13"	106° 27' 27"					F-48-81-B-d
thôn Tiên Kiều	DC	xã Thanh Hồng	H. Thanh Hà	20° 49' 55"	106° 27' 56"					F-48-81-B-d
đò Bầu A	KX	xã Thanh Hồng	H. Thanh Hà	20° 49' 38"	106° 26' 17"					F-48-81-B-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Thanh Hồng	H. Thanh Hà			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-B-d
Đò Gang	KX	xã Thanh Hồng	H. Thanh Hà	20° 48' 56"	106° 26' 58"					F-48-81-B-d
sông Thái Bình	TV	xã Thanh Hồng	H. Thanh Hà			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-d
thôn An Lão	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Hà	20° 53' 09"	106° 25' 26"					F-48-81-B-b
thôn Đa Khê	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Hà	20° 53' 21"	106° 26' 03"					F-48-81-B-b
thôn Xuân An	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Hà	20° 53' 47"	106° 25' 07"					F-48-81-B-b
xóm Đồng Đỗi	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Hà	20° 52' 49"	106° 25' 27"					F-48-81-B-b
xóm Đồng Quầng	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Hà	20° 53' 21"	106° 25' 02"					F-48-81-B-b
xóm Đồng Sặt	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Hà	20° 52' 40"	106° 25' 31"					F-48-81-B-b
Chùa Mới	KX	xã Thanh Khê	H. Thanh Hà	20° 53' 38"	106° 24' 55"					F-48-81-B-b
đình An Lão	KX	xã Thanh Khê	H. Thanh Hà	20° 53' 07"	106° 25' 23"					F-48-81-B-b
Đường tỉnh 390	KX	xã Thanh Khê	H. Thanh Hà			20° 58' 28"	106° 23' 00"	20° 49' 57"	106° 29' 29"	F-48-81-B-b
thôn Kim Can	DC	xã Thanh Lang	H. Thanh Hà	20° 55' 49"	106° 27' 54"					F-48-81-B-b
thôn Lang Can 1	DC	xã Thanh Lang	H. Thanh Hà	20° 56' 35"	106° 28' 05"					F-48-81-B-b
thôn Lang Can 2	DC	xã Thanh Lang	H. Thanh Hà	20° 56' 36"	106° 27' 43"					F-48-81-B-b
thôn Lang Can 3	DC	xã Thanh Lang	H. Thanh Hà	20° 56' 10"	106° 27' 59"					F-48-81-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chợ Liên Minh	KX	xã Thanh Lang	H. Thanh Hà	20° 56' 05"	106° 27' 34"					F-48-81-B-b
chùa Kim Can	KX	xã Thanh Lang	H. Thanh Hà	20° 55' 56"	106° 27' 50"					F-48-81-B-b
đền Tòng Thiện	KX	xã Thanh Lang	H. Thanh Hà	20° 56' 28"	106° 27' 41"					F-48-81-B-b
Đò Giải	KX	xã Thanh Lang	H. Thanh Hà	20° 55' 47"	106° 28' 38"					F-48-81-B-b
Sông Rạng	TV	xã Thanh Lang	H. Thanh Hà			20° 59' 50"	106° 24' 31"	20° 52' 25"	106° 28' 20"	F-48-81-B-b
thôn Thúy Lâm	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Hà	20° 52' 07"	106° 26' 37"					F-48-81-B-d
thôn Tráng Liệt	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Hà	20° 51' 52"	106° 25' 49"					F-48-81-B-d
xóm Minh Tân	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Hà	20° 51' 25"	106° 25' 42"					F-48-81-B-d
xóm Tân Hồng	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Hà	20° 51' 53"	106° 25' 38"					F-48-81-B-d
xóm Tân Tiến	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Hà	20° 52' 04"	106° 26' 47"					F-48-81-B-d
xóm Tân Xuân	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Hà	20° 52' 11"	106° 26' 11"					F-48-81-B-d
xóm Thắng Lợi	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Hà	20° 52' 19"	106° 25' 38"					F-48-81-B-b; F-48-81-B-d
Đò Vực	KX	xã Thanh Sơn	H. Thanh Hà	20° 50' 45"	106° 25' 58"					F-48-81-B-d
sông Thái Bình	TV	xã Thanh Sơn	H. Thanh Hà			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-d
thôn Khánh Mậu	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Hà	20° 52' 39"	106° 25' 57"					F-48-81-B-b; F-48-81-B-d
thôn Lại Xá	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Hà	20° 52' 54"	106° 26' 48"					F-48-81-B-b
cầu Hợp Thanh	KX	xã Thanh Thủy	H. Thanh Hà	20° 52' 19"	106° 27' 23"					F-48-81-B-d
cầu Lại Xá	KX	xã Thanh Thủy	H. Thanh Hà	20° 53' 13"	106° 26' 35"					F-48-81-B-b
Đường tỉnh 390	KX	xã Thanh Thủy	H. Thanh Hà			20° 58' 28"	106° 23' 00"	20° 49' 57"	106° 29' 29"	F-48-81-B-b; F-48-81-B-d
sông Thái Bình	TV	xã Thanh Thủy	H. Thanh Hà			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-b; F-48-81-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Hương	TV	xã Thanh Thủy	H. Thanh Hà			20° 58' 51"	106° 22' 13"	20° 52' 57"	106° 27' 49"	F-48-81-B-b
Thôn 1	DC	xã Thanh Xá	H. Thanh Hà	20° 53' 52"	106° 26' 26"					F-48-81-B-b
Thôn 2	DC	xã Thanh Xá	H. Thanh Hà	20° 53' 40"	106° 26' 32"					F-48-81-B-b
Thôn 3	DC	xã Thanh Xá	H. Thanh Hà	20° 53' 32"	106° 26' 44"					F-48-81-B-b
Thôn 4	DC	xã Thanh Xá	H. Thanh Hà	20° 54' 11"	106° 27' 09"					F-48-81-B-b
Thôn 5	DC	xã Thanh Xá	H. Thanh Hà	20° 54' 30"	106° 26' 41"					F-48-81-B-b
cầu Lại Xá	KX	xã Thanh Xá	H. Thanh Hà	20° 53' 13"	106° 26' 35"					F-48-81-B-b
Đường tỉnh 390	KX	xã Thanh Xá	H. Thanh Hà			20° 58' 28"	106° 23' 00"	20° 49' 57"	106° 29' 29"	F-48-81-B-b
Sông Hương	TV	xã Thanh Xá	H. Thanh Hà			20° 58' 51"	106° 22' 13"	20° 52' 57"	106° 27' 49"	F-48-81-B-b
thôn Thiện Trang	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Hà	20° 54' 03"	106° 28' 07"					F-48-81-B-b
thôn Trường Giang	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Hà	20° 53' 18"	106° 27' 37"					F-48-81-B-b
thôn Xuân Áng	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Hà	20° 53' 10"	106° 28' 15"					F-48-81-B-b
Xóm Ấp	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Hà	20° 53' 44"	106° 28' 36"					F-48-81-B-b
xóm Minh Phúc	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Hà	20° 54' 34"	106° 28' 14"					F-48-81-B-b
cống Sông Hương	TV	xã Thanh Xuân	H. Thanh Hà	20° 53' 03"	106° 27' 44"					F-48-81-B-b
Sông Hương	TV	xã Thanh Xuân	H. Thanh Hà			20° 58' 51"	106° 22' 13"	20° 52' 57"	106° 27' 49"	F-48-81-B-b
Sông Rạng	TV	xã Thanh Xuân	H. Thanh Hà			20° 59' 50"	106° 24' 31"	20° 52' 25"	106° 28' 20"	F-48-81-B-b; F-48-81-B-b
sông Thái Bình	TV	xã Thanh Xuân	H. Thanh Hà			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-b; F-48-81-B-d
thôn Cập Nhất	DC	xã Tiền Tiến	H. Thanh Hà	20° 54' 56"	106° 21' 50"					F-48-81-B-a
thôn Cập Thượng	DC	xã Tiền Tiến	H. Thanh Hà	20° 54' 43"	106° 22' 01"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Du Tái	DC	xã Tiền Tiến	H. Thanh Hà	20° 54' 30"	106° 22' 18"					F-48-81-B-a
xóm Đồng Điền	DC	xã Tiền Tiến	H. Thanh Hà	20° 54' 08"	106° 21' 29"					F-48-81-B-a
xóm Đồng Neo	DC	xã Tiền Tiến	H. Thanh Hà	20° 54' 21"	106° 21' 53"					F-48-81-B-a
xóm Tân Bình	DC	xã Tiền Tiến	H. Thanh Hà	20° 53' 55"	106° 21' 52"					F-48-81-B-a
chùa Đồng Ngọ	KX	xã Tiền Tiến	H. Thanh Hà	20° 55' 03"	106° 21' 53"					F-48-81-B-a
Chùa Neo	KX	xã Tiền Tiến	H. Thanh Hà	20° 54' 22"	106° 21' 49"					F-48-81-B-a
Đường tỉnh 390C	KX	xã Tiền Tiến	H. Thanh Hà			20° 58' 44"	106° 21' 37"	20° 54' 03"	106° 23' 32"	F-48-81-B-a F-48-81-B-b
Sông Hương	TV	xã Tiền Tiến	H. Thanh Hà			20° 58' 51"	106° 22' 13"	20° 52' 57"	106° 27' 49"	F-48-81-B-a
sông Thái Bình	TV	xã Tiền Tiến	H. Thanh Hà			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-a
thôn Ngọc Điểm	DC	xã Trường Thành	H. Thanh Hà	20° 51' 09"	106° 27' 18"					F-48-81-B-d
thôn Phù Tinh	DC	xã Trường Thành	H. Thanh Hà	20° 50' 39"	106° 27' 06"					F-48-81-B-d
đình Phù Tinh	KX	xã Trường Thành	H. Thanh Hà	20° 50' 35"	106° 27' 10"					F-48-81-B-d
đò Phù Tinh	KX	xã Trường Thành	H. Thanh Hà	20° 50' 22"	106° 26' 38"					F-48-81-B-d
sông Thái Bình	TV	xã Trường Thành	H. Thanh Hà			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-d
thôn Cổ Chẩm	DC	xã Việt Hồng	H. Thanh Hà	20° 56' 55"	106° 25' 41"					F-48-81-B-b
thôn Quan Khê	DC	xã Việt Hồng	H. Thanh Hà	20° 57' 18"	106° 24' 42"					F-48-81-B-b
Đò Tường	KX	xã Việt Hồng	H. Thanh Hà	20° 57' 23"	106° 25' 41"					F-48-81-B-b
Đường tỉnh 390B	KX	xã Việt Hồng	H. Thanh Hà			20° 58' 28"	106° 23' 00"	20° 53' 56"	106° 21' 02"	F-48-81-B-b
Sông Rạng	TV	xã Việt Hồng	H. Thanh Hà			20° 59' 50"	106° 24' 31"	20° 52' 25"	106° 28' 20"	F-48-81-B-b
thôn Kiên Nhuệ	DC	xã Vĩnh Lập	H. Thanh Hà	20° 48' 42"	106° 29' 52"					F-48-81-B-d; F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thiệu Mỹ	DC	xã Vĩnh Lập	H. Thanh Hà	20° 48' 31"	106° 28' 58"					F-48-81-B-d
thôn Thuần Mỹ	DC	xã Vĩnh Lập	H. Thanh Hà	20° 48' 22"	106° 29' 10"					F-48-81-B-d
thôn Tú Y	DC	xã Vĩnh Lập	H. Thanh Hà	20° 48' 56"	106° 30' 16"					F-48-82-A-c
xóm Quyết Thắng	DC	xã Vĩnh Lập	H. Thanh Hà	20° 48' 57"	106° 28' 44"					F-48-81-B-d
đình Thiệu Mỹ	KX	xã Vĩnh Lập	H. Thanh Hà	20° 48' 39"	106° 28' 57"					F-48-81-B-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Vĩnh Lập	H. Thanh Hà			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-B-d; F-48-82-A-c
Đò Mía	KX	xã Vĩnh Lập	H. Thanh Hà	20° 48' 04"	106° 29' 04"					F-48-81-B-d
Đò Tú	KX	xã Vĩnh Lập	H. Thanh Hà	20° 49' 01"	106° 30' 49"					F-48-82-A-c
sông Thái Bình	TV	xã Vĩnh Lập	H. Thanh Hà			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-d
sông Văn Úc	TV	xã Vĩnh Lập	H. Thanh Hà			20° 52' 25"	106° 28' 16"	20° 48' 07"	106° 30' 24"	F-48-81-B-d; F-48-82-A-c
Sông Mía	TV	xã Vĩnh Lập	H. Thanh Hà			20° 48' 04"	106° 29' 03"	20° 48' 10"	106° 30' 21"	F-48-81-B-d; F-48-82-A-c
khu An Lạc	DC	TT. Thanh Miện	H. Thanh Miện	20° 47' 02"	106° 13' 36"					F-48-81-A-d
khu Bất Nạo	DC	TT. Thanh Miện	H. Thanh Miện	20° 47' 13"	106° 14' 19"					F-48-81-A-d
khu Lê Bình	DC	TT. Thanh Miện	H. Thanh Miện	20° 47' 22"	106° 14' 08"					F-48-81-A-d
khu Phượng Hoàng Hạ	DC	TT. Thanh Miện	H. Thanh Miện	20° 47' 11"	106° 14' 55"					F-48-81-A-d
khu Phượng Hoàng Thượng	DC	TT. Thanh Miện	H. Thanh Miện	20° 47' 29"	106° 14' 55"					F-48-81-A-d
khu Vô Hối	DC	TT. Thanh Miện	H. Thanh Miện	20° 47' 09"	106° 13' 56"					F-48-81-A-d
chùa Phượng Hoàng Hạ	KX	TT. Thanh Miện	H. Thanh Miện	20° 47' 18"	106° 14' 57"					F-48-81-A-d
đường Chu Văn An (Đường tỉnh 392C)	KX	TT. Thanh Miện	H. Thanh Miện			20° 46' 58"	106° 13' 05"	20° 47' 18"	106° 14' 12"	F-48-81-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 392B	KX	TT. Thanh Miện	H. Thanh Miện			20° 48' 31"	106° 13' 45"	20° 42' 16"	106° 15' 21"	F-48-81-A-d
Đường tỉnh 392C	KX	TT. Thanh Miện	H. Thanh Miện			20° 48' 07"	106° 09' 43"	20° 47' 12"	106° 14' 38"	F-48-81-A-d
đường Tuệ Tĩnh (Quốc lộ 38B)	KX	TT. Thanh Miện	H. Thanh Miện			20° 47' 12"	106° 14' 38"	20° 47' 04"	106° 15' 08"	F-48-81-A-d
Quốc lộ 38B	KX	TT. Thanh Miện	H. Thanh Miện			20° 59' 43"	106° 07' 45"	20° 53' 40"	106° 08' 14"	F-48-81-A-d
sông Cửu An	TV	TT. Thanh Miện	H. Thanh Miện			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-A-d; F-48-81-B-c
thôn Bằng Bộ	DC	xã Cao Thắng	H. Thanh Miện	20° 45' 23"	106° 12' 12"					F-48-81-A-d
thôn Cao Lý	DC	xã Cao Thắng	H. Thanh Miện	20° 45' 37"	106° 13' 09"					F-48-81-A-d
thôn Hòa Bình	DC	xã Cao Thắng	H. Thanh Miện	20° 45' 37"	106° 12' 45"					F-48-81-A-d
thôn Phạm Khê	DC	xã Cao Thắng	H. Thanh Miện	20° 46' 10"	106° 12' 13"					F-48-81-A-d
thôn Văn Khê	DC	xã Cao Thắng	H. Thanh Miện	20° 46' 04"	106° 11' 49"					F-48-81-A-d
chùa Cao Lý	KX	xã Cao Thắng	H. Thanh Miện	20° 45' 39"	106° 13' 09"					F-48-81-A-d
Cầu Tràng	KX	xã Cao Thắng	H. Thanh Miện	20° 45' 16"	106° 12' 00"					F-48-81-A-d
đình Bằng Bộ	KX	xã Cao Thắng	H. Thanh Miện	20° 45' 23"	106° 12' 14"					F-48-81-A-d
đình Phạm Khê	KX	xã Cao Thắng	H. Thanh Miện	20° 46' 09"	106° 12' 12"					F-48-81-A-d
Đường huyện 192	KX	xã Cao Thắng	H. Thanh Miện			20° 45' 28"	106° 12' 11"	20° 41' 48"	106° 14' 35"	F-48-81-A-d
Quốc lộ 38B	KX	xã Cao Thắng	H. Thanh Miện			20° 59' 43"	106° 07' 45"	20° 53' 40"	106° 08' 14"	F-48-81-A-d
sông Cửu An	TV	xã Cao Thắng	H. Thanh Miện			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-A-d
thôn Phú Khê	DC	xã Chi Lăng Bắc	H. Thanh Miện	20° 44' 28"	106° 13' 19"					F-48-81-C-b
thôn Phương Khê	DC	xã Chi Lăng Bắc	H. Thanh Miện	20° 44' 21"	106° 13' 58"					F-48-81-C-b
thôn Tào Khê	DC	xã Chi Lăng Bắc	H. Thanh Miện	20° 44' 29"	106° 13' 41"					F-48-81-C-b
đình Phương Khê	KX	xã Chi Lăng Bắc	H. Thanh Miện	20° 44' 20"	106° 14' 03"					F-48-81-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Tào Khê	KX	xã Chi Lăng Bắc	H. Thanh Miện	20° 44' 29"	106° 13' 38"					F-48-81-C-b
Đường huyện 192	KX	xã Chi Lăng Bắc	H. Thanh Miện			20° 45' 28"	106° 12' 11"	20° 41' 48"	106° 14' 35"	F-48-81-A-d
sông Cửu An	TV	xã Chi Lăng Bắc	H. Thanh Miện			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-A-d; F-48-81-C-b
thôn An Dương	DC	xã Chi Lăng Nam	H. Thanh Miện	20° 43' 10"	106° 13' 29"					F-48-81-C-b
thôn Hội Yên	DC	xã Chi Lăng Nam	H. Thanh Miện	20° 44' 01"	106° 14' 06"					F-48-81-C-b
thôn Triều Dương	DC	xã Chi Lăng Nam	H. Thanh Miện	20° 43' 42"	106° 13' 27"					F-48-81-C-b
cầu Hội Yên 1	KX	xã Chi Lăng Nam	H. Thanh Miện	20° 43' 57"	106° 14' 10"					F-48-81-C-b
cầu Hội Yên 2	KX	xã Chi Lăng Nam	H. Thanh Miện	20° 43' 53"	106° 14' 06"					F-48-81-C-b
Cầu Dao	KX	xã Chi Lăng Nam	H. Thanh Miện	20° 43' 27"	106° 13' 05"					F-48-81-C-b
Đường huyện 192	KX	xã Chi Lăng Nam	H. Thanh Miện			20° 45' 28"	106° 12' 11"	20° 41' 48"	106° 14' 35"	F-48-81-A-d
Đường tỉnh 396	KX	xã Chi Lăng Nam	H. Thanh Miện			20° 44' 36"	106° 22' 59"	20° 43' 27"	106° 13' 05"	F-48-81-C-b
khu Du lịch Danh lam thắng cảnh Đảo Cò	KX	xã Chi Lăng Nam	H. Thanh Miện	20° 42' 57"	106° 13' 34"					F-48-81-C-b
miếu Hội Yên	KX	xã Chi Lăng Nam	H. Thanh Miện	20° 44' 03"	106° 13' 58"					F-48-81-C-b
sông Cửu An	TV	xã Chi Lăng Nam	H. Thanh Miện			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-C-b
thôn Đoàn Kết	DC	xã Diên Hồng	H. Thanh Miện	20° 42' 40"	106° 14' 38"					F-48-81-C-b
thôn Quang Trung	DC	xã Diên Hồng	H. Thanh Miện	20° 42' 29"	106° 13' 52"					F-48-81-C-b
thôn Thống Nhất	DC	xã Diên Hồng	H. Thanh Miện	20° 42' 38"	106° 14' 22"					F-48-81-C-b
Đường huyện 192	KX	xã Diên Hồng	H. Thanh Miện			20° 45' 28"	106° 12' 11"	20° 41' 48"	106° 14' 35"	F-48-81-C-b
sông Cửu An	TV	xã Diên Hồng	H. Thanh Miện			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-C-b
thôn Bùi Xá	DC	xã Đoàn Kết	H. Thanh Miện	20° 47' 01"	106° 10' 13"					F-48-81-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Châu Quan	DC	xã Đoàn Kết	H. Thanh Miện	20° 47' 35"	106° 09' 38"					F-48-81-A-d
thôn Thủ Pháp	DC	xã Đoàn Kết	H. Thanh Miện	20° 47' 24"	106° 09' 51"					F-48-81-A-d
thôn Tòng Hóa	DC	xã Đoàn Kết	H. Thanh Miện	20° 46' 30"	106° 10' 35"					F-48-81-A-d
thôn Từ Xá	DC	xã Đoàn Kết	H. Thanh Miện	20° 47' 12"	106° 10' 03"					F-48-81-A-d
đền Từ Xá	KX	xã Đoàn Kết	H. Thanh Miện	20° 47' 09"	106° 09' 52"					F-48-81-A-d
đình Thủ Pháp	KX	xã Đoàn Kết	H. Thanh Miện	20° 47' 21"	106° 09' 49"					F-48-81-A-d
Đường tỉnh 392C	KX	xã Đoàn Kết	H. Thanh Miện			20° 48' 07"	106° 09' 43"	20° 47' 12"	106° 14' 38"	F-48-81-A-d
sông Cửu An	TV	xã Đoàn Kết	H. Thanh Miện			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-A-d
khu dân cư Số 1	DC	xã Đoàn Tùng	H. Thanh Miện	20° 49' 18"	106° 13' 32"					F-48-81-A-d
thôn Đào Lâm	DC	xã Đoàn Tùng	H. Thanh Miện	20° 49' 33"	106° 13' 00"					F-48-81-A-d
thôn Phạm Lâm	DC	xã Đoàn Tùng	H. Thanh Miện	20° 49' 40"	106° 13' 22"					F-48-81-A-d
thôn Thúy Lâm	DC	xã Đoàn Tùng	H. Thanh Miện	20° 48' 53"	106° 13' 10"					F-48-81-A-d
đình Đào Lâm	KX	xã Đoàn Tùng	H. Thanh Miện	20° 49' 37"	106° 12' 54"					F-48-81-A-d
Đường tỉnh 392	KX	xã Đoàn Tùng	H. Thanh Miện			20° 54' 27"	106° 08' 55"	20° 49' 12"	106° 24' 20"	F-48-81-A-d
Đường tỉnh 393	KX	xã Đoàn Tùng	H. Thanh Miện			20° 47' 56"	106° 08' 24"	20° 52' 10"	106° 17' 54"	F-48-81-A-d
Miếu Thông	KX	xã Đoàn Tùng	H. Thanh Miện	20° 49' 52"	106° 13' 34"					F-48-81-A-d
thôn An Bình	DC	xã Hồng Quang	H. Thanh Miện	20° 48' 46"	106° 12' 18"					F-48-81-A-d
thôn An Lâu	DC	xã Hồng Quang	H. Thanh Miện	20° 48' 33"	106° 11' 37"					F-48-81-A-d
thôn Bích Thủy	DC	xã Hồng Quang	H. Thanh Miện	20° 48' 15"	106° 11' 14"					F-48-81-A-d
thôn Đông Bích	DC	xã Hồng Quang	H. Thanh Miện	20° 48' 54"	106° 10' 49"					F-48-81-A-d
thôn Đông La	DC	xã Hồng Quang	H. Thanh Miện	20° 48' 30"	106° 10' 48"					F-48-81-A-d
thôn Hùng Sơn	DC	xã Hồng Quang	H. Thanh Miện	20° 48' 50"	106° 11' 53"					F-48-81-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hữu Chung	DC	xã Hồng Quang	H. Thanh Miện	20° 48' 09"	106° 11' 38"					F-48-81-A-d
chùa Nhữ Xá	KX	xã Hồng Quang	H. Thanh Miện	20° 48' 41"	106° 12' 14"					F-48-81-A-d
Đường tỉnh 393	KX	xã Hồng Quang	H. Thanh Miện			20° 47' 56"	106° 08' 24"	20° 52' 10"	106° 17' 54"	F-48-81-A-d
thôn Phù Nội	DC	xã Hùng Sơn	H. Thanh Miện	20° 46' 38"	106° 16' 12"					F-48-81-B-c
thôn Thái Thạch	DC	xã Hùng Sơn	H. Thanh Miện	20° 47' 00"	106° 16' 52"					F-48-81-B-c
thôn Triệu Nội	DC	xã Hùng Sơn	H. Thanh Miện	20° 47' 08"	106° 16' 12"					F-48-81-B-c
chùa Vinh Quang	KX	xã Hùng Sơn	H. Thanh Miện	20° 46' 45"	106° 16' 15"					F-48-81-B-c
Đò Luồi	KX	xã Hùng Sơn	H. Thanh Miện	20° 46' 13"	106° 15' 58"					F-48-81-B-c
Đường tỉnh 392	KX	xã Hùng Sơn	H. Thanh Miện			20° 54' 27"	106° 08' 55"	20° 49' 12"	106° 24' 20"	F-48-81-B-c
Quốc lộ 38B	KX	xã Hùng Sơn	H. Thanh Miện			20° 59' 43"	106° 07' 45"	20° 53' 40"	106° 08' 14"	F-48-81-B-c
sông Cửu An	TV	xã Hùng Sơn	H. Thanh Miện			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-B-c
thôn Kim Trang Đông	DC	xã Lam Sơn	H. Thanh Miện	20° 48' 36"	106° 14' 20"					F-48-81-A-d
thôn Kim Trang Tây	DC	xã Lam Sơn	H. Thanh Miện	20° 48' 33"	106° 13' 58"					F-48-81-A-d
thôn Lam Sơn	DC	xã Lam Sơn	H. Thanh Miện	20° 48' 13"	106° 12' 41"					F-48-81-A-d
thôn Thọ Trương	DC	xã Lam Sơn	H. Thanh Miện	20° 48' 23"	106° 13' 40"					F-48-81-A-d
thôn Thọ Xuyên	DC	xã Lam Sơn	H. Thanh Miện	20° 47' 37"	106° 13' 04"					F-48-81-A-d
chùa Thọ Trương	KX	xã Lam Sơn	H. Thanh Miện	20° 48' 23"	106° 13' 30"					F-48-81-A-d
Cầu Trương	KX	xã Lam Sơn	H. Thanh Miện	20° 48' 31"	106° 13' 46"					F-48-81-A-d
đình Kim Trang Đông	KX	xã Lam Sơn	H. Thanh Miện	20° 48' 41"	106° 14' 15"					F-48-81-A-d
đình Kim Trang Tây	KX	xã Lam Sơn	H. Thanh Miện	20° 48' 36"	106° 14' 02"					F-48-81-A-d
đình Thọ Xuyên	KX	xã Lam Sơn	H. Thanh Miện	20° 47' 37"	106° 12' 59"					F-48-81-A-d
Đường tỉnh 392	KX	xã Lam Sơn	H. Thanh Miện			20° 54' 27"	106° 08' 55"	20° 49' 12"	106° 24' 20"	F-48-81-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 392B	KX	xã Lam Sơn	H. Thanh Miện			20° 48' 31"	106° 13' 45"	20° 42' 16"	106° 15' 21"	F-48-81-A-d
thôn Ba Hai	DC	xã Lê Hồng	H. Thanh Miện	20° 47' 35"	106° 12' 24"					F-48-81-A-d
thôn Đại Đồng	DC	xã Lê Hồng	H. Thanh Miện	20° 47' 45"	106° 11' 10"					F-48-81-A-d
thôn Hạnh Phúc	DC	xã Lê Hồng	H. Thanh Miện	20° 47' 27"	106° 11' 46"					F-48-81-A-d
thôn Hoành Bồ	DC	xã Lê Hồng	H. Thanh Miện	20° 46' 28"	106° 11' 42"					F-48-81-A-d
thôn Lâm Cầu	DC	xã Lê Hồng	H. Thanh Miện	20° 46' 27"	106° 12' 03"					F-48-81-A-d
thôn Phí Xá	DC	xã Lê Hồng	H. Thanh Miện	20° 46' 41"	106° 12' 37"					F-48-81-A-d
thôn Phương Quan	DC	xã Lê Hồng	H. Thanh Miện	20° 46' 46"	106° 12' 22"					F-48-81-A-d
thôn Quốc Tuấn	DC	xã Lê Hồng	H. Thanh Miện	20° 46' 43"	106° 12' 51"					F-48-81-A-d
thôn Thanh Xá	DC	xã Lê Hồng	H. Thanh Miện	20° 46' 38"	106° 12' 35"					F-48-81-A-d
thôn Vĩnh Mộ	DC	xã Lê Hồng	H. Thanh Miện	20° 46' 17"	106° 11' 24"					F-48-81-A-d
chùa Quốc Tuấn	KX	xã Lê Hồng	H. Thanh Miện	20° 46' 46"	106° 12' 49"					F-48-81-A-d
Đường tỉnh 392C	KX	xã Lê Hồng	H. Thanh Miện			20° 48' 07"	106° 09' 43"	20° 47' 12"	106° 14' 38"	F-48-81-A-d
sông Cửu An	TV	xã Lê Hồng	H. Thanh Miện			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-A-d
thôn Phạm Lý	DC	xã Ngô Quyền	H. Thanh Miện	20° 49' 42"	106° 10' 08"					F-48-81-A-d
thôn Phạm Tân	DC	xã Ngô Quyền	H. Thanh Miện	20° 48' 26"	106° 08' 12"					F-48-81-A-d
thôn Phạm Xá	DC	xã Ngô Quyền	H. Thanh Miện	20° 48' 54"	106° 08' 40"					F-48-81-A-d
thôn Tiên Lữ	DC	xã Ngô Quyền	H. Thanh Miện	20° 49' 26"	106° 09' 55"					F-48-81-A-d
thôn Văn Xá	DC	xã Ngô Quyền	H. Thanh Miện	20° 50' 08"	106° 09' 54"					F-48-81-A-d
thôn Vũ Xá	DC	xã Ngô Quyền	H. Thanh Miện	20° 49' 26"	106° 09' 20"					F-48-81-A-d
đình Phạm Lý	KX	xã Ngô Quyền	H. Thanh Miện	20° 49' 44"	106° 10' 05"					F-48-81-A-d
đình Phạm Xá	KX	xã Ngô Quyền	H. Thanh Miện	20° 48' 56"	106° 08' 36"					F-48-81-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cửu An	TV	xã Ngô Quyền	H. Thanh Miện			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-A-d
thôn Cụ Trì	DC	xã Ngũ Hùng	H. Thanh Miện	20° 45' 26"	106° 15' 18"					F-48-81-B-c
thôn La Ngoại	DC	xã Ngũ Hùng	H. Thanh Miện	20° 45' 10"	106° 15' 06"					F-48-81-B-c
thôn My Trì	DC	xã Ngũ Hùng	H. Thanh Miện	20° 46' 10"	106° 15' 10"					F-48-81-B-c
thôn Nại Trì	DC	xã Ngũ Hùng	H. Thanh Miện	20° 45' 56"	106° 15' 27"					F-48-81-B-c
thôn Tiêu Lâm	DC	xã Ngũ Hùng	H. Thanh Miện	20° 44' 41"	106° 15' 07"					F-48-81-D-a
cầu Tiêu Lâm	KX	xã Ngũ Hùng	H. Thanh Miện	20° 44' 26"	106° 14' 51"					F-48-81-C-b
chùa Nại Trì	KX	xã Ngũ Hùng	H. Thanh Miện	20° 45' 58"	106° 15' 23"					F-48-81-B-c
Chùa Chung	KX	xã Ngũ Hùng	H. Thanh Miện	20° 45' 08"	106° 15' 03"					F-48-81-B-c
Chùa Mui	KX	xã Ngũ Hùng	H. Thanh Miện	20° 45' 29"	106° 15' 19"					F-48-81-B-c
Đò Luồi	KX	xã Ngũ Hùng	H. Thanh Miện	20° 46' 13"	106° 15' 58"					F-48-81-B-c
Đường tỉnh 392B	KX	xã Ngũ Hùng	H. Thanh Miện			20° 48' 31"	106° 13' 45"	20° 42' 16"	106° 15' 21"	F-48-81-A-d; F-48-81-C-b
Đường tỉnh 396	KX	xã Ngũ Hùng	H. Thanh Miện			20° 44' 36"	106° 22' 59"	20° 43' 27"	106° 13' 05"	F-48-81-D-a
sông Cửu An	TV	xã Ngũ Hùng	H. Thanh Miện			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-B-c
thôn Đạo Phái	DC	xã Phạm Kha	H. Thanh Miện	20° 48' 58"	106° 14' 07"					F-48-81-A-d
thôn Đỗ Hạ	DC	xã Phạm Kha	H. Thanh Miện	20° 49' 48"	106° 14' 18"					F-48-81-A-d
thôn Đỗ Thượng	DC	xã Phạm Kha	H. Thanh Miện	20° 49' 50"	106° 14' 04"					F-48-81-A-d
thôn Hàn Lâm	DC	xã Phạm Kha	H. Thanh Miện	20° 49' 07"	106° 14' 22"					F-48-81-A-d
đình Đạo Phái	KX	xã Phạm Kha	H. Thanh Miện	20° 48' 54"	106° 14' 06"					F-48-81-A-d
đình Đỗ Lâm Hạ	KX	xã Phạm Kha	H. Thanh Miện	20° 49' 43"	106° 14' 16"					F-48-81-A-d
đình Đỗ Lâm Thượng	KX	xã Phạm Kha	H. Thanh Miện	20° 49' 45"	106° 13' 58"					F-48-81-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 393	KX	xã Phạm Kha	H. Thanh Miện			20° 47' 56"	106° 08' 24"	20° 52' 10"	106° 17' 54"	F-48-81-A-d
thôn An Xá	DC	xã Tân Trào	H. Thanh Miện	20° 48' 28"	106° 09' 14"					F-48-81-A-d
thôn Ấp Yên	DC	xã Tân Trào	H. Thanh Miện	20° 48' 21"	106° 09' 41"					F-48-81-A-d
thôn Hoàng Tường	DC	xã Tân Trào	H. Thanh Miện	20° 47' 47"	106° 08' 29"					F-48-81-A-d
thôn Lang Gia	DC	xã Tân Trào	H. Thanh Miện	20° 47' 34"	106° 09' 16"					F-48-81-A-d
thôn Ngọc Lập	DC	xã Tân Trào	H. Thanh Miện	20° 47' 58"	106° 09' 49"					F-48-81-A-d
thôn Từ Ô	DC	xã Tân Trào	H. Thanh Miện	20° 47' 18"	106° 08' 48"					F-48-81-A-d
cầu Từ Ô	KX	xã Tân Trào	H. Thanh Miện	20° 47' 56"	106° 08' 25"					F-48-81-A-d
Chùa Sộp	KX	xã Tân Trào	H. Thanh Miện	20° 48' 00"	106° 09' 46"					F-48-81-A-d
đền Từ Ô	KX	xã Tân Trào	H. Thanh Miện	20° 47' 31"	106° 08' 39"					F-48-81-A-d
đình An Xá	KX	xã Tân Trào	H. Thanh Miện	20° 48' 29"	106° 09' 17"					F-48-81-A-d
Đường tỉnh 392C	KX	xã Tân Trào	H. Thanh Miện			20° 48' 07"	106° 09' 43"	20° 47' 12"	106° 14' 38"	F-48-81-A-d
Đường tỉnh 393	KX	xã Tân Trào	H. Thanh Miện			20° 47' 56"	106° 08' 24"	20° 52' 10"	106° 17' 54"	F-48-81-A-d
miếu An Xá	KX	xã Tân Trào	H. Thanh Miện	20° 48' 34"	106° 09' 13"					F-48-81-A-d
sông Cửu An	TV	xã Tân Trào	H. Thanh Miện			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-A-d
thôn Đan Giáp	DC	xã Thanh Giang	H. Thanh Miện	20° 43' 12"	106° 14' 43"					F-48-81-C-b
thôn Phù Tải 1	DC	xã Thanh Giang	H. Thanh Miện	20° 43' 24"	106° 15' 14"					F-48-81-D-a
thôn Phù Tải 2	DC	xã Thanh Giang	H. Thanh Miện	20° 43' 13"	106° 15' 04"					F-48-81-D-a
thôn Tiêu Sơn	DC	xã Thanh Giang	H. Thanh Miện	20° 43' 43"	106° 14' 53"					F-48-81-C-b
cầu Cô Tiên	KX	xã Thanh Giang	H. Thanh Miện	20° 43' 01"	106° 15' 00"					F-48-81-D-a
Cụm công nghiệp Ngũ Hùng - Thanh Giang	KX	xã Thanh Giang	H. Thanh Miện	20° 44' 15"	106° 15' 06"					F-48-81-C-b; F-48-81-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Di tích lịch sử - văn hóa Đàn Thiện Phù Tài	KX	xã Thanh Giang	H. Thanh Miện	20° 43' 17"	106° 15' 22"					F-48-81-D-a
Đường tỉnh 392B	KX	xã Thanh Giang	H. Thanh Miện			20° 48' 31"	106° 13' 45"	20° 42' 16"	106° 15' 21"	F-48-81-C-b; F-48-81-D-a
Đường tỉnh 396	KX	xã Thanh Giang	H. Thanh Miện			20° 44' 36"	106° 22' 59"	20° 43' 27"	106° 13' 05"	F-48-81-D-a
thôn Đoàn Lâm	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Miện	20° 49' 59"	106° 13' 23"					F-48-81-A-d
Thôn Đông	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Miện	20° 50' 09"	106° 13' 34"					F-48-81-A-d
thôn La Xá	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Miện	20° 50' 16"	106° 12' 34"					F-48-81-A-d
thôn Phú Cốc	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Miện	20° 50' 03"	106° 12' 59"					F-48-81-A-d
đình Đỗ Uông	KX	xã Thanh Tùng	H. Thanh Miện	20° 49' 55"	106° 13' 28"					F-48-81-C-b
đình La Xá	KX	xã Thanh Tùng	H. Thanh Miện	20° 50' 22"	106° 12' 28"					F-48-81-C-b
Đình Đông	KX	xã Thanh Tùng	H. Thanh Miện	20° 50' 07"	106° 13' 34"					F-48-81-C-b
Đường tỉnh 392	KX	xã Thanh Tùng	H. Thanh Miện			20° 54' 27"	106° 08' 55"	20° 49' 12"	106° 24' 20"	F-48-81-A-d
nhà tưởng niệm Phó Chủ tịch nước Nguyễn Lương Bằng	KX	xã Thanh Tùng	H. Thanh Miện	20° 50' 04"	106° 13' 34"					F-48-81-C-b
thôn An Phong	DC	xã Tiền Phong	H. Thanh Miện	20° 42' 32"	106° 15' 23"					F-48-81-D-a
thôn Đồng Chấm	DC	xã Tiền Phong	H. Thanh Miện	20° 41' 10"	106° 15' 42"					F-48-81-D-a
thôn My Động 1	DC	xã Tiền Phong	H. Thanh Miện	20° 41' 42"	106° 14' 30"					F-48-81-C-b
thôn My Động 2	DC	xã Tiền Phong	H. Thanh Miện	20° 42' 08"	106° 14' 50"					F-48-81-C-b
thôn Tiên Động	DC	xã Tiền Phong	H. Thanh Miện	20° 42' 12"	106° 15' 10"					F-48-81-D-a
Chùa Mè	KX	xã Tiền Phong	H. Thanh Miện	20° 42' 12"	106° 14' 51"					F-48-81-C-b
đền Bà Chúa	KX	xã Tiền Phong	H. Thanh Miện	20° 42' 17"	106° 15' 09"					F-48-81-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đò Bến Trại	KX	xã Tiền Phong	H. Thanh Miện	20° 42' 07"	106° 15' 13"					F-48-81-D-a
Đường huyện 192	KX	xã Tiền Phong	H. Thanh Miện			20° 45' 28"	106° 12' 11"	20° 41' 48"	106° 14' 35"	F-48-81-D-a
Đường tỉnh 392B	KX	xã Tiền Phong	H. Thanh Miện			20° 48' 31"	106° 13' 45"	20° 42' 16"	106° 15' 21"	F-48-81-D-a
sông Cửu An	TV	xã Tiền Phong	H. Thanh Miện			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-C-b
Sông Luộc	TV	xã Tiền Phong	H. Thanh Miện			20° 41' 07"	106° 16' 03"	20° 45' 40"	106° 29' 46"	F-48-81-C-b; F-48-81-D-a
thôn An Khoái	DC	xã Tứ Cường	H. Thanh Miện	20° 46' 02"	106° 14' 32"					F-48-81-A-d
thôn An Nghiệp	DC	xã Tứ Cường	H. Thanh Miện	20° 46' 39"	106° 14' 20"					F-48-81-A-d
thôn Gia Cốc	DC	xã Tứ Cường	H. Thanh Miện	20° 46' 12"	106° 13' 43"					F-48-81-A-d
thôn Phú Mễ	DC	xã Tứ Cường	H. Thanh Miện	20° 45' 24"	106° 13' 44"					F-48-81-A-d
cầu An Nghiệp	KX	xã Tứ Cường	H. Thanh Miện	20° 46' 51"	106° 14' 29"					F-48-81-A-d
cầu Cống Neo	KX	xã Tứ Cường	H. Thanh Miện	20° 46' 56"	106° 14' 31"					F-48-81-A-d
chùa Gia Cốc	KX	xã Tứ Cường	H. Thanh Miện	20° 46' 04"	106° 13' 48"					F-48-81-A-d
Đình Khoai	KX	xã Tứ Cường	H. Thanh Miện	20° 46' 11"	106° 14' 26"					F-48-81-A-d
Đường tỉnh 392B	KX	xã Tứ Cường	H. Thanh Miện			20° 48' 31"	106° 13' 45"	20° 42' 16"	106° 15' 21"	F-48-81-A-d
Đường tỉnh 399	KX	xã Tứ Cường	H. Thanh Miện			20° 56' 54"	106° 20' 45"	20° 46' 27"	106° 14' 02"	F-48-81-A-d
nghè Gia Cốc	KX	xã Tứ Cường	H. Thanh Miện	20° 46' 06"	106° 13' 49"					F-48-81-A-d
Quốc lộ 38B	KX	xã Tứ Cường	H. Thanh Miện			20° 59' 43"	106° 07' 45"	20° 53' 40"	106° 08' 14"	F-48-81-A-d
sông Cửu An	TV	xã Tứ Cường	H. Thanh Miện			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-A-d
khu dân cư An Nhân Đông	DC	TT. Tứ Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 49' 21"	106° 24' 05"					F-48-81-B-d
khu dân cư An Nhân Tây	DC	TT. Tứ Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 49' 23"	106° 23' 42"					F-48-81-B-d
khu dân cư La Tỉnh Bắc	DC	TT. Tứ Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 49' 15"	106° 24' 20"					F-48-81-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu dân cư La Tỉnh Nam	DC	TT. Tứ Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 49' 06"	106° 24' 24"					F-48-81-B-d
Cầu Vạn	KX	TT. Tứ Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 48' 59"	106° 24' 04"					F-48-81-B-d
Cầu Yên	KX	TT. Tứ Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 49' 01"	106° 24' 37"					F-48-81-B-d
Chợ Yên	KX	TT. Tứ Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 49' 07"	106° 24' 35"					F-48-81-B-d
đình An Nhân	KX	TT. Tứ Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 49' 15"	106° 23' 51"					F-48-81-B-d
đường Tây Nguyên (Đường tỉnh 392)	KX	TT. Tứ Kỳ	H. Tứ Kỳ			20° 49' 02"	106° 24' 06"	20° 49' 12"	106° 24' 20"	F-48-81-B-d
Đường tỉnh 391	KX	TT. Tứ Kỳ	H. Tứ Kỳ			20° 57' 11"	106° 19' 23"	20° 43' 55"	106° 24' 08"	F-48-81-B-d
Đường tỉnh 392	KX	TT. Tứ Kỳ	H. Tứ Kỳ			20° 54' 27"	106° 08' 55"	20° 49' 12"	106° 24' 20"	F-48-81-B-d
sông Tứ Kỳ	TV	TT. Tứ Kỳ	H. Tứ Kỳ			20° 49' 23"	106° 22' 02"	20° 44' 46"	106° 27' 21"	F-48-81-B-d
thôn An Định	DC	xã An Thanh	H. Tứ Kỳ	20° 48' 34"	106° 27' 48"					F-48-81-B-d
thôn An Lao	DC	xã An Thanh	H. Tứ Kỳ	20° 47' 57"	106° 28' 13"					F-48-81-B-d
thôn Thanh Kỳ	DC	xã An Thanh	H. Tứ Kỳ	20° 48' 20"	106° 27' 01"					F-48-81-B-d
cầu An Thanh	KX	xã An Thanh	H. Tứ Kỳ	20° 47' 44"	106° 26' 41"					F-48-81-B-d
chùa An Lao	KX	xã An Thanh	H. Tứ Kỳ	20° 48' 04"	106° 28' 05"					F-48-81-B-d
đò An Hộ	KX	xã An Thanh	H. Tứ Kỳ	20° 47' 42"	106° 28' 16"					F-48-81-B-d
đò Thanh Kỳ	KX	xã An Thanh	H. Tứ Kỳ	20° 48' 54"	106° 26' 53"					F-48-81-B-d
sông Cầu Xe	TV	xã An Thanh	H. Tứ Kỳ			20° 46' 08"	106° 25' 32"	20° 48' 00"	106° 28' 53"	F-48-81-B-d
sông Thái Bình	TV	xã An Thanh	H. Tứ Kỳ			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-d
thôn Đông Phong	DC	xã Bình Lãng	H. Tứ Kỳ	20° 50' 48"	106° 23' 49"					F-48-81-B-d
thôn Thượng Hải	DC	xã Bình Lãng	H. Tứ Kỳ	20° 51' 08"	106° 23' 18"					F-48-81-B-d
đình Thượng Hải	KX	xã Bình Lãng	H. Tứ Kỳ	20° 51' 04"	106° 23' 15"					F-48-81-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Bình Lãng	H. Tứ Kỳ			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-B-d
Đò Lạng	KX	xã Bình Lãng	H. Tứ Kỳ	20° 51' 38"	106° 23' 29"					F-48-81-B-d
lăng mộ Bà Bổi Lạng	KX	xã Bình Lãng	H. Tứ Kỳ	20° 50' 38"	106° 23' 51"					F-48-81-B-d
sông Thái Bình	TV	xã Bình Lãng	H. Tứ Kỳ			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-d
thôn Bình Hàn	DC	xã Cộng Lạc	H. Tứ Kỳ	20° 47' 17"	106° 27' 40"					F-48-81-B-d
thôn Đôn Giáo	DC	xã Cộng Lạc	H. Tứ Kỳ	20° 47' 17"	106° 26' 43"					F-48-81-B-d
thôn Hàm Hy	DC	xã Cộng Lạc	H. Tứ Kỳ	20° 46' 57"	106° 27' 32"					F-48-81-B-d
thôn Tất Hạ	DC	xã Cộng Lạc	H. Tứ Kỳ	20° 46' 29"	106° 26' 03"					F-48-81-B-d
thôn Tất Thượng	DC	xã Cộng Lạc	H. Tứ Kỳ	20° 46' 51"	106° 26' 26"					F-48-81-B-d
cầu Cầu Xe	KX	xã Cộng Lạc	H. Tứ Kỳ	20° 46' 43"	106° 27' 38"					F-48-81-B-d
Đường tỉnh 391	KX	xã Cộng Lạc	H. Tứ Kỳ			20° 57' 11"	106° 19' 23"	20° 43' 55"	106° 24' 08"	F-48-81-B-d
sông Cầu Xe	TV	xã Cộng Lạc	H. Tứ Kỳ			20° 46' 08"	106° 25' 32"	20° 48' 00"	106° 28' 53"	F-48-81-B-d
thôn An Lại	DC	xã Dân Chủ	H. Tứ Kỳ	20° 49' 18"	106° 18' 47"					F-48-81-B-c
thôn Cao La	DC	xã Dân Chủ	H. Tứ Kỳ	20° 49' 52"	106° 19' 34"					F-48-81-B-c
thôn Đồng Bình	DC	xã Dân Chủ	H. Tứ Kỳ	20° 49' 30"	106° 19' 22"					F-48-81-B-c
thôn La Xá	DC	xã Dân Chủ	H. Tứ Kỳ	20° 49' 47"	106° 18' 55"					F-48-81-B-c
đền La Xá	KX	xã Dân Chủ	H. Tứ Kỳ	20° 49' 56"	106° 18' 56"					F-48-81-B-c
Quốc lộ 37	KX	xã Dân Chủ	H. Tứ Kỳ			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-B-c
thôn Leo Xá	DC	xã Đại Đồng	H. Tứ Kỳ	20° 53' 17"	106° 22' 08"					F-48-81-B-b
thôn Nghĩa Dũng	DC	xã Đại Đồng	H. Tứ Kỳ	20° 52' 24"	106° 21' 49"					F-48-81-B-a; F-48-81-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nghĩa Xá	DC	xã Đại Đồng	H. Tứ Kỳ	20° 52' 49"	106° 22' 11"					F-48-81-B-a
Cầu Tây	KX	xã Đại Đồng	H. Tứ Kỳ	20° 52' 51"	106° 21' 47"					F-48-81-B-a
Đường tỉnh 391	KX	xã Đại Đồng	H. Tứ Kỳ			20° 57' 11"	106° 19' 23"	20° 43' 55"	106° 24' 08"	F-48-81-B-d
sông Thái Bình	TV	xã Đại Đồng	H. Tứ Kỳ			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-a; F-48-81-B-b
thôn Báo Đáp	DC	xã Đại Hợp	H. Tứ Kỳ	20° 49' 00"	106° 20' 34"					F-48-81-B-c
thôn Độ Trung	DC	xã Đại Hợp	H. Tứ Kỳ	20° 48' 44"	106° 20' 21"					F-48-81-B-c
thôn Quảng Giang	DC	xã Đại Hợp	H. Tứ Kỳ	20° 48' 30"	106° 19' 58"					F-48-81-B-c
Cầu Bía	KX	xã Đại Hợp	H. Tứ Kỳ	20° 48' 09"	106° 20' 09"					F-48-81-B-c
Đường tỉnh 191B	KX	xã Đại Hợp	H. Tứ Kỳ			20° 48' 58"	106° 19' 11"	20° 50' 17"	106° 22' 38"	F-48-81-B-c
Quốc lộ 37	KX	xã Đại Hợp	H. Tứ Kỳ			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-B-c
sông Đĩnh Đào	TV	xã Đại Hợp	H. Tứ Kỳ			20° 54' 02"	106° 14' 21"	20° 49' 23"	106° 22' 03"	F-48-81-B-c
thôn Bắc An	DC	xã Đông Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 50' 24"	106° 24' 15"					F-48-81-B-d
thôn Đông An	DC	xã Đông Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 50' 01"	106° 24' 34"					F-48-81-B-d
thôn Nam An	DC	xã Đông Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 49' 55"	106° 24' 21"					F-48-81-B-d
thôn Tây An	DC	xã Đông Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 49' 52"	106° 24' 10"					F-48-81-B-d
Xóm Đáy	DC	xã Đông Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 50' 00"	106° 23' 46"					F-48-81-B-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Đông Kỳ	H. Tứ Kỳ			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-B-d
sông Thái Bình	TV	xã Đông Kỳ	H. Tứ Kỳ			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-d
thôn Đại Hà	DC	xã Hà Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 45' 05"	106° 24' 49"					F-48-81-B-d; F-48-81-D-b
thôn Hà Hải	DC	xã Hà Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 44' 25"	106° 25' 15"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Trạch Lộ	DC	xã Hà Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 45' 24"	106° 25' 08"					F-48-81-B-d
đình Hà Hải	KX	xã Hà Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 44' 29"	106° 25' 10"					F-48-81-D-b
Đường tỉnh 391	KX	xã Hà Kỳ	H. Tứ Kỳ			20° 57' 11"	106° 19' 23"	20° 43' 55"	106° 24' 08"	F-48-81-D-b
Sông Luộc	TV	xã Hà Kỳ	H. Tứ Kỳ			20° 41' 07"	106° 16' 03"	20° 45' 40"	106° 29' 46"	F-48-81-D-b
sông Tứ Kỳ	TV	xã Hà Kỳ	H. Tứ Kỳ			20° 49' 23"	106° 22' 02"	20° 44' 46"	106° 27' 21"	F-48-81-B-d
thôn Bình Cách	DC	xã Hà Thanh	H. Tứ Kỳ	20° 44' 25"	106° 26' 31"					F-48-81-D-b
thôn Hàm Cách	DC	xã Hà Thanh	H. Tứ Kỳ	20° 44' 43"	106° 25' 57"					F-48-81-D-b
thôn Hữu Chung	DC	xã Hà Thanh	H. Tứ Kỳ	20° 43' 33"	106° 27' 29"					F-48-81-D-b
thôn Kiều Long	DC	xã Hà Thanh	H. Tứ Kỳ	20° 45' 09"	106° 26' 07"					F-48-81-B-d
thôn Thanh Bình	DC	xã Hà Thanh	H. Tứ Kỳ	20° 44' 56"	106° 26' 45"					F-48-81-B-d; F-48-81-D-b
thôn Tri Lễ	DC	xã Hà Thanh	H. Tứ Kỳ	20° 44' 01"	106° 26' 10"					F-48-81-D-b
Xóm Đông	DC	xã Hà Thanh	H. Tứ Kỳ	20° 43' 54"	106° 26' 24"					F-48-81-D-b
xóm Thành Lập	DC	xã Hà Thanh	H. Tứ Kỳ	20° 43' 48"	106° 26' 14"					F-48-81-D-b
cầu An Thổ	KX	xã Hà Thanh	H. Tứ Kỳ	20° 45' 02"	106° 27' 12"					F-48-81-B-d; F-48-81-D-b
Đường tỉnh 391	KX	xã Hà Thanh	H. Tứ Kỳ			20° 57' 11"	106° 19' 23"	20° 43' 55"	106° 24' 08"	F-48-81-D-b
Sông Luộc	TV	xã Hà Thanh	H. Tứ Kỳ			20° 41' 07"	106° 16' 03"	20° 45' 40"	106° 29' 46"	F-48-81-D-b
sông Tứ Kỳ	TV	xã Hà Thanh	H. Tứ Kỳ			20° 49' 23"	106° 22' 02"	20° 44' 46"	106° 27' 21"	F-48-81-B-d; F-48-81-D-b
thôn Lạc Dục	DC	xã Hưng Đạo	H. Tứ Kỳ	20° 51' 37"	106° 22' 38"					F-48-81-B-c; F-48-81-B-d
thôn Ô Mễ	DC	xã Hưng Đạo	H. Tứ Kỳ	20° 51' 32"	106° 21' 51"					F-48-81-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Xuân Nẻo	DC	xã Hưng Đạo	H. Tứ Kỳ	20° 51' 58"	106° 21' 32"					F-48-81-B-c
đền Lạc Dục	KX	xã Hưng Đạo	H. Tứ Kỳ	20° 51' 22"	106° 22' 20"					F-48-81-B-c
đình Lạc Dục	KX	xã Hưng Đạo	H. Tứ Kỳ	20° 51' 37"	106° 22' 35"					F-48-81-B-c
đình Ô Mễ	KX	xã Hưng Đạo	H. Tứ Kỳ	20° 51' 35"	106° 21' 50"					F-48-81-B-c
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Hưng Đạo	H. Tứ Kỳ			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-B-c
Đường tỉnh 391	KX	xã Hưng Đạo	H. Tứ Kỳ			20° 57' 11"	106° 19' 23"	20° 43' 55"	106° 24' 08"	F-48-81-B-c
miếu Ô Mễ	KX	xã Hưng Đạo	H. Tứ Kỳ	20° 51' 40"	106° 21' 55"					F-48-81-B-c
sông Cầu Binh	TV	xã Hưng Đạo	H. Tứ Kỳ			20° 55' 26"	106° 19' 33"	20° 49' 24"	106° 22' 01"	F-48-81-B-c
sông Thái Bình	TV	xã Hưng Đạo	H. Tứ Kỳ			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-d
thôn Bỉnh Dy	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tứ Kỳ	20° 53' 01"	106° 21' 34"					F-48-81-B-a
thôn Mỗ Đoạn	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tứ Kỳ	20° 52' 50"	106° 21' 16"					F-48-81-B-a
thôn Phương Quất	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tứ Kỳ	20° 52' 39"	106° 21' 10"					F-48-81-B-a
Cầu Tây	KX	xã Kỳ Sơn	H. Tứ Kỳ	20° 52' 51"	106° 21' 47"					F-48-81-B-a
Đường tỉnh 391	KX	xã Kỳ Sơn	H. Tứ Kỳ			20° 57' 11"	106° 19' 23"	20° 43' 55"	106° 24' 08"	F-48-81-B-a
sông Cầu Binh	TV	xã Kỳ Sơn	H. Tứ Kỳ			20° 55' 26"	106° 19' 33"	20° 49' 24"	106° 22' 01"	F-48-81-B-c
sông Thái Bình	TV	xã Kỳ Sơn	H. Tứ Kỳ			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-a
thôn Cự Lộc	DC	xã Minh Đức	H. Tứ Kỳ	20° 46' 44"	106° 24' 08"					F-48-81-B-d
Thôn Mép	DC	xã Minh Đức	H. Tứ Kỳ	20° 47' 42"	106° 24' 18"					F-48-81-B-d
thôn Phúc Lâm	DC	xã Minh Đức	H. Tứ Kỳ	20° 47' 41"	106° 23' 20"					F-48-81-B-d
thôn Trúc Văn	DC	xã Minh Đức	H. Tứ Kỳ	20° 48' 10"	106° 24' 01"					F-48-81-B-d
Thôn Quàn	DC	xã Minh Đức	H. Tứ Kỳ	20° 48' 00"	106° 23' 13"					F-48-81-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Sự	DC	xã Minh Đức	H. Tứ Kỳ	20° 47' 30"	106° 24' 18"					F-48-81-B-d
Thôn Vạn	DC	xã Minh Đức	H. Tứ Kỳ	20° 48' 25"	106° 23' 56"					F-48-81-B-d
xóm Cầu Vạn	DC	xã Minh Đức	H. Tứ Kỳ	20° 48' 49"	106° 23' 56"					F-48-81-B-d
chùa Cự Lộc	KX	xã Minh Đức	H. Tứ Kỳ	20° 46' 40"	106° 23' 54"					F-48-81-B-d
Cầu Vạn	KX	xã Minh Đức	H. Tứ Kỳ	20° 48' 59"	106° 24' 04"					F-48-81-B-d
Chùa Lâm	KX	xã Minh Đức	H. Tứ Kỳ	20° 47' 49"	106° 23' 26"					F-48-81-B-d
đò Cự Lộc	KX	xã Minh Đức	H. Tứ Kỳ	20° 46' 15"	106° 24' 14"					F-48-81-B-d
Đường tỉnh 392	KX	xã Minh Đức	H. Tứ Kỳ			20° 54' 27"	106° 08' 55"	20° 49' 12"	106° 24' 20"	F-48-81-B-d
miếu Cự Lộc	KX	xã Minh Đức	H. Tứ Kỳ	20° 46' 58"	106° 24' 20"					F-48-81-B-d
sông Cửu An	TV	xã Minh Đức	H. Tứ Kỳ			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-B-d
Sông Nhũ	TV	xã Minh Đức	H. Tứ Kỳ			20° 46' 39"	106° 23' 22"	20° 49' 01"	106° 21' 29"	F-48-81-B-d
sông Tứ Kỳ	TV	xã Minh Đức	H. Tứ Kỳ			20° 49' 23"	106° 22' 02"	20° 44' 46"	106° 27' 21"	F-48-81-B-d
thôn Đại Đình	DC	xã Ngọc Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 51' 01"	106° 21' 05"					F-48-81-B-c
thôn Kim Đôi	DC	xã Ngọc Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 50' 53"	106° 21' 02"					F-48-81-B-c
thôn Ngọc Lý	DC	xã Ngọc Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 50' 44"	106° 20' 59"					F-48-81-B-c
thôn Ngọc Trại	DC	xã Ngọc Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 50' 13"	106° 20' 47"					F-48-81-B-c
thôn Tứ Kỳ Thượng	DC	xã Ngọc Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 51' 19"	106° 20' 47"					F-48-81-B-c
chùa Sùng Khánh	KX	xã Ngọc Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 51' 12"	106° 20' 38"					F-48-81-B-c
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Ngọc Kỳ	H. Tứ Kỳ			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-B-c
sông Cầu Binh	TV	xã Ngọc Kỳ	H. Tứ Kỳ			20° 55' 26"	106° 19' 33"	20° 49' 24"	106° 22' 01"	F-48-81-B-c
thôn Mỹ Xá	DC	xã Ngọc Sơn	H. Tứ Kỳ	20° 53' 21"	106° 20' 05"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ngọc Lặc	DC	xã Ngọc Sơn	H. Tứ Kỳ	20° 53' 53"	106° 20' 28"					F-48-81-B-a
thôn Phạm Xá	DC	xã Ngọc Sơn	H. Tứ Kỳ	20° 53' 26"	106° 20' 51"					F-48-81-B-a
đình Mỹ Xá	KX	xã Ngọc Sơn	H. Tứ Kỳ	20° 53' 20"	106° 20' 05"					F-48-81-B-a
đình Ngọc Lặc	KX	xã Ngọc Sơn	H. Tứ Kỳ	20° 53' 51"	106° 20' 29"					F-48-81-B-a
Đường tỉnh 391	KX	xã Ngọc Sơn	H. Tứ Kỳ			20° 57' 11"	106° 19' 23"	20° 43' 55"	106° 24' 08"	F-48-81-B-a
Đường tỉnh 395	KX	xã Ngọc Sơn	H. Tứ Kỳ			20° 54' 29"	106° 08' 55"	20° 53' 26"	106° 21' 12"	F-48-81-B-a
miếu Phạm Xá	KX	xã Ngọc Sơn	H. Tứ Kỳ	20° 53' 23"	106° 20' 43"					F-48-81-B-a
sông Cầu Binh	TV	xã Ngọc Sơn	H. Tứ Kỳ			20° 55' 26"	106° 19' 33"	20° 49' 24"	106° 22' 01"	F-48-81-B-a
sông Thái Bình	TV	xã Ngọc Sơn	H. Tứ Kỳ			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-a
thôn An Quý	DC	xã Nguyên Giáp	H. Tứ Kỳ	20° 45' 36"	106° 28' 22"					F-48-81-B-d
thôn An Tân	DC	xã Nguyên Giáp	H. Tứ Kỳ	20° 46' 10"	106° 29' 04"					F-48-81-B-d
thôn An Thổ	DC	xã Nguyên Giáp	H. Tứ Kỳ	20° 45' 13"	106° 27' 35"					F-48-81-B-d; F-48-81-D-b
thôn Đông Phú	DC	xã Nguyên Giáp	H. Tứ Kỳ	20° 46' 17"	106° 28' 57"					F-48-81-B-d
thôn Phố Quý Cao	DC	xã Nguyên Giáp	H. Tứ Kỳ	20° 45' 41"	106° 29' 19"					F-48-81-B-d
thôn Quý Cao	DC	xã Nguyên Giáp	H. Tứ Kỳ	20° 45' 41"	106° 29' 00"					F-48-81-B-d
thôn Văn Vật	DC	xã Nguyên Giáp	H. Tứ Kỳ	20° 46' 00"	106° 28' 05"					F-48-81-B-d
cầu Quý Cao	KX	xã Nguyên Giáp	H. Tứ Kỳ	20° 45' 26"	106° 29' 34"					F-48-81-B-d
chùa An Quý	KX	xã Nguyên Giáp	H. Tứ Kỳ	20° 45' 33"	106° 28' 27"					F-48-81-B-d
Cầu Bản	KX	xã Nguyên Giáp	H. Tứ Kỳ	20° 45' 47"	106° 29' 23"					F-48-81-B-d
Đường tỉnh 391	KX	xã Nguyên Giáp	H. Tứ Kỳ			20° 57' 11"	106° 19' 23"	20° 43' 55"	106° 24' 08"	F-48-81-B-d
Quốc lộ 10	KX	xã Nguyên Giáp	H. Tứ Kỳ			20° 45' 54"	106° 29' 28"	20° 45' 26"	106° 29' 34"	F-48-81-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Luộc	TV	xã Nguyên Giáp	H. Tứ Kỳ			20° 41' 07"	106° 16' 03"	20° 45' 40"	106° 29' 46"	F-48-81-B-d; F-48-81-D-b
sông Tứ Kỳ	TV	xã Nguyên Giáp	H. Tứ Kỳ			20° 49' 23"	106° 22' 02"	20° 44' 46"	106° 27' 21"	F-48-81-B-d; F-48-81-D-b
thôn Cự Đà	DC	xã Phượng Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 46' 32"	106° 25' 41"					F-48-81-B-d
thôn Như Lâm	DC	xã Phượng Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 47' 11"	106° 25' 10"					F-48-81-B-d
thôn Tứ Kỳ Hạ	DC	xã Phượng Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 46' 18"	106° 25' 05"					F-48-81-B-d
chùa Khánh Linh	KX	xã Phượng Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 46' 14"	106° 25' 09"					F-48-81-B-d
đình Tứ Kỳ Hạ	KX	xã Phượng Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 46' 17"	106° 25' 09"					F-48-81-B-d
sông Cầu Xe	TV	xã Phượng Kỳ	H. Tứ Kỳ			20° 46' 08"	106° 25' 32"	20° 48' 00"	106° 28' 53"	F-48-81-B-d
sông Tứ Kỳ	TV	xã Phượng Kỳ	H. Tứ Kỳ			20° 49' 23"	106° 22' 02"	20° 44' 46"	106° 27' 21"	F-48-81-B-d
thôn Nhũ Tỉnh	DC	xã Quang Khải	H. Tứ Kỳ	20° 48' 29"	106° 22' 17"					F-48-81-B-c; F-48-81-B-d
thôn Tân Quang	DC	xã Quang Khải	H. Tứ Kỳ	20° 48' 51"	106° 22' 02"					F-48-81-B-c
thôn Vũ Xá	DC	xã Quang Khải	H. Tứ Kỳ	20° 48' 41"	106° 22' 58"					F-48-81-B-d
cầu phao Đò Đồn	KX	xã Quang Khải	H. Tứ Kỳ	20° 49' 16"	106° 22' 31"					F-48-81-B-c; F-48-81-B-d
Chợ Nhũ	KX	xã Quang Khải	H. Tứ Kỳ	20° 48' 35"	106° 22' 22"					F-48-81-B-d
Chùa Tông	KX	xã Quang Khải	H. Tứ Kỳ	20° 48' 48"	106° 23' 00"					F-48-81-B-d
sông Đĩnh Đào	TV	xã Quang Khải	H. Tứ Kỳ			20° 54' 02"	106° 14' 21"	20° 49' 23"	106° 22' 03"	F-48-81-B-c
Sông Nhũ	TV	xã Quang Khải	H. Tứ Kỳ			20° 46' 39"	106° 23' 22"	20° 49' 01"	106° 21' 29"	F-48-81-B-c; F-48-81-B-d
sông Tứ Kỳ	TV	xã Quang Khải	H. Tứ Kỳ			20° 49' 23"	106° 22' 02"	20° 44' 46"	106° 27' 21"	F-48-81-B-c; F-48-81-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Kim Tân	DC	xã Quảng Nghiệp	H. Tứ Kỳ	20° 47' 53"	106° 19' 23"					F-48-81-B-c
Thôn Mạc	DC	xã Quảng Nghiệp	H. Tứ Kỳ	20° 48' 38"	106° 19' 11"					F-48-81-B-c
Thôn Ngái	DC	xã Quảng Nghiệp	H. Tứ Kỳ	20° 48' 48"	106° 19' 25"					F-48-81-B-c
Đường tỉnh 191B	KX	xã Quảng Nghiệp	H. Tứ Kỳ			20° 48' 58"	106° 19' 11"	20° 50' 17"	106° 22' 38"	F-48-81-B-c
Quốc lộ 37	KX	xã Quảng Nghiệp	H. Tứ Kỳ			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-B-c
sông Đĩnh Đào	TV	xã Quảng Nghiệp	H. Tứ Kỳ			20° 54' 02"	106° 14' 21"	20° 49' 23"	106° 22' 03"	F-48-81-B-c
thị tứ Quang Phục	DC	xã Quang Phục	H. Tứ Kỳ	20° 50' 15"	106° 22' 39"					F-48-81-B-d
thôn An Giang	DC	xã Quang Phục	H. Tứ Kỳ	20° 49' 22"	106° 22' 37"					F-48-81-B-c; F-48-81-B-d
thôn An Phòng	DC	xã Quang Phục	H. Tứ Kỳ	20° 49' 18"	106° 22' 54"					F-48-81-B-d
thôn Bích Cẩm	DC	xã Quang Phục	H. Tứ Kỳ	20° 50' 01"	106° 22' 44"					F-48-81-B-d
thôn Bích Lâm	DC	xã Quang Phục	H. Tứ Kỳ	20° 50' 07"	106° 22' 21"					F-48-81-B-c
thôn Đồng Tràng	DC	xã Quang Phục	H. Tứ Kỳ	20° 49' 52"	106° 22' 12"					F-48-81-B-c
thôn Mạc Xá	DC	xã Quang Phục	H. Tứ Kỳ	20° 49' 41"	106° 23' 13"					F-48-81-B-d
thôn Thái An	DC	xã Quang Phục	H. Tứ Kỳ	20° 50' 21"	106° 23' 11"					F-48-81-B-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Quang Phục	H. Tứ Kỳ			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-B-d
Đường tỉnh 191B	KX	xã Quang Phục	H. Tứ Kỳ			20° 48' 58"	106° 19' 11"	20° 50' 17"	106° 22' 38"	F-48-81-B-c; F-48-81-B-d
Đường tỉnh 391	KX	xã Quang Phục	H. Tứ Kỳ			20° 57' 11"	106° 19' 23"	20° 43' 55"	106° 24' 08"	F-48-81-B-d
sông Cầu Binh	TV	xã Quang Phục	H. Tứ Kỳ			20° 55' 26"	106° 19' 33"	20° 49' 24"	106° 22' 01"	F-48-81-B-c
sông Tứ Kỳ	TV	xã Quang Phục	H. Tứ Kỳ			20° 49' 23"	106° 22' 02"	20° 44' 46"	106° 27' 21"	F-48-81-B-c; F-48-81-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Hộ	DC	xã Quang Trung	H. Tứ Kỳ	20° 47' 30"	106° 28' 27"					F-48-81-B-d
thôn An Hưng	DC	xã Quang Trung	H. Tứ Kỳ	20° 47' 09"	106° 28' 18"					F-48-81-B-d
thôn An Tứ	DC	xã Quang Trung	H. Tứ Kỳ	20° 46' 31"	106° 28' 27"					F-48-81-B-d
thôn An Vĩnh	DC	xã Quang Trung	H. Tứ Kỳ	20° 46' 46"	106° 29' 00"					F-48-81-B-d
thôn Cầu Xe	DC	xã Quang Trung	H. Tứ Kỳ	20° 46' 41"	106° 27' 43"					F-48-81-B-d
thôn Mậu Công	DC	xã Quang Trung	H. Tứ Kỳ	20° 46' 47"	106° 28' 33"					F-48-81-B-d
thôn Tứ Hạ	DC	xã Quang Trung	H. Tứ Kỳ	20° 46' 27"	106° 29' 02"					F-48-81-B-d
Thôn Mũ	DC	xã Quang Trung	H. Tứ Kỳ	20° 47' 11"	106° 28' 56"					F-48-81-B-d
cầu Cầu Xe	KX	xã Quang Trung	H. Tứ Kỳ	20° 46' 43"	106° 27' 38"					F-48-81-B-d
đền Độ My	KX	xã Quang Trung	H. Tứ Kỳ	20° 46' 37"	106° 28' 48"					F-48-81-B-d
đò An Hộ	KX	xã Quang Trung	H. Tứ Kỳ	20° 47' 42"	106° 28' 16"					F-48-81-B-d
Đường tỉnh 391	KX	xã Quang Trung	H. Tứ Kỳ			20° 57' 11"	106° 19' 23"	20° 43' 55"	106° 24' 08"	F-48-81-B-d
Nông trường Quý Cao	KX	xã Quang Trung	H. Tứ Kỳ	20° 46' 55"	106° 29' 38"					F-48-81-B-d
sông Cầu Xe	TV	xã Quang Trung	H. Tứ Kỳ			20° 46' 08"	106° 25' 32"	20° 48' 00"	106° 28' 53"	F-48-81-B-d
sông Thái Bình	TV	xã Quang Trung	H. Tứ Kỳ			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-d
thôn Ngọc Chấn	DC	xã Tái Sơn	H. Tứ Kỳ	20° 51' 03"	106° 22' 24"					F-48-81-B-c
thôn Thiết Tái	DC	xã Tái Sơn	H. Tứ Kỳ	20° 50' 30"	106° 21' 50"					F-48-81-B-c
thôn Thượng Sơn	DC	xã Tái Sơn	H. Tứ Kỳ	20° 50' 40"	106° 21' 53"					F-48-81-B-c
thôn Trung Sơn	DC	xã Tái Sơn	H. Tứ Kỳ	20° 50' 54"	106° 22' 03"					F-48-81-B-c
chùa Trung Sơn	KX	xã Tái Sơn	H. Tứ Kỳ	20° 50' 54"	106° 21' 58"					F-48-81-B-c
đình Thượng Sơn	KX	xã Tái Sơn	H. Tứ Kỳ	20° 50' 47"	106° 21' 56"					F-48-81-B-c
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Tái Sơn	H. Tứ Kỳ			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-B-c; F-48-81-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 391	KX	xã Tái Sơn	H. Tứ Kỳ			20° 57' 11"	106° 19' 23"	20° 43' 55"	106° 24' 08"	F-48-81-B-c; F-48-81-B-d
sông Cầu Binh	TV	xã Tái Sơn	H. Tứ Kỳ			20° 55' 26"	106° 19' 33"	20° 49' 24"	106° 22' 01"	F-48-81-B-c
thôn Nghi Khê	DC	xã Tân Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 49' 39"	106° 20' 32"					F-48-81-B-c
thôn Ngọc Lâm	DC	xã Tân Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 49' 38"	106° 21' 12"					F-48-81-B-c
xóm Tân Lập	DC	xã Tân Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 50' 20"	106° 21' 25"					F-48-81-B-c
xóm Thượng Lang	DC	xã Tân Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 49' 21"	106° 21' 19"					F-48-81-B-c
chùa Phúc Duyên	KX	xã Tân Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 49' 36"	106° 20' 26"					F-48-81-B-c
cống Ngọc Lâm	KX	xã Tân Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 49' 22"	106° 21' 03"					F-48-81-B-c
đình Ngọc Lâm	KX	xã Tân Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 49' 46"	106° 21' 06"					F-48-81-B-c
đình Quỳnh Côi	KX	xã Tân Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 49' 31"	106° 21' 16"					F-48-81-B-c
Đường tỉnh 191B	KX	xã Tân Kỳ	H. Tứ Kỳ			20° 48' 58"	106° 19' 11"	20° 50' 17"	106° 22' 38"	F-48-81-B-c
sông Cầu Binh	TV	xã Tân Kỳ	H. Tứ Kỳ			20° 55' 26"	106° 19' 33"	20° 49' 24"	106° 22' 01"	F-48-81-B-c
sông Đĩnh Đào	TV	xã Tân Kỳ	H. Tứ Kỳ			20° 54' 02"	106° 14' 21"	20° 49' 23"	106° 22' 03"	F-48-81-B-c
thôn Hiền Sỹ	DC	xã Tây Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 50' 11"	106° 25' 17"					F-48-81-B-d
thôn Kim Đới	DC	xã Tây Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 49' 33"	106° 24' 51"					F-48-81-B-d
thôn Kim Xuyên	DC	xã Tây Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 49' 25"	106° 25' 27"					F-48-81-B-d
thôn Nhân Lý	DC	xã Tây Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 49' 14"	106° 25' 08"					F-48-81-B-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Tây Kỳ	H. Tứ Kỳ			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-B-d
Đò Sĩ	KX	xã Tây Kỳ	H. Tứ Kỳ	20° 50' 42"	106° 25' 33"					F-48-81-B-d
sông Thái Bình	TV	xã Tây Kỳ	H. Tứ Kỳ			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đoàn Khê	DC	xã Tiên Động	H. Tứ Kỳ	20° 45' 55"	106° 26' 07"					F-48-81-B-d
thôn Đồng Bào	DC	xã Tiên Động	H. Tứ Kỳ	20° 45' 21"	106° 26' 26"					F-48-81-B-d
thôn Hoà Nhuệ	DC	xã Tiên Động	H. Tứ Kỳ	20° 45' 48"	106° 27' 35"					F-48-81-B-d
thôn Quan Lộc	DC	xã Tiên Động	H. Tứ Kỳ	20° 46' 15"	106° 27' 05"					F-48-81-B-d
thôn Tiên Thọ	DC	xã Tiên Động	H. Tứ Kỳ	20° 45' 21"	106° 26' 40"					F-48-81-B-d
xóm Đống Lương	DC	xã Tiên Động	H. Tứ Kỳ	20° 46' 23"	106° 26' 40"					F-48-81-B-d
xóm Văn Thụ	DC	xã Tiên Động	H. Tứ Kỳ	20° 45' 35"	106° 26' 13"					F-48-81-B-d
Đường tỉnh 391	KX	xã Tiên Động	H. Tứ Kỳ			20° 57' 11"	106° 19' 23"	20° 43' 55"	106° 24' 08"	F-48-81-B-d
sông Cầu Xe	TV	xã Tiên Động	H. Tứ Kỳ			20° 46' 08"	106° 25' 32"	20° 48' 00"	106° 28' 53"	F-48-81-B-d
sông Tứ Kỳ	TV	xã Tiên Động	H. Tứ Kỳ			20° 49' 23"	106° 22' 02"	20° 44' 46"	106° 27' 21"	F-48-81-B-d; F-48-81-D-b
thôn Làng Vực	DC	xã Tứ Xuyên	H. Tứ Kỳ	20° 50' 06"	106° 25' 53"					F-48-81-B-d
thôn Quảng Xuyên	DC	xã Tứ Xuyên	H. Tứ Kỳ	20° 49' 10"	106° 25' 55"					F-48-81-B-d
thôn Trại Vực	DC	xã Tứ Xuyên	H. Tứ Kỳ	20° 50' 14"	106° 26' 10"					F-48-81-B-d
đò Bầu A	KX	xã Tứ Xuyên	H. Tứ Kỳ	20° 49' 38"	106° 26' 17"					F-48-81-B-d
đò Bầu B	KX	xã Tứ Xuyên	H. Tứ Kỳ	20° 50' 16"	106° 26' 33"					F-48-81-B-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Tứ Xuyên	H. Tứ Kỳ			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-B-d
Đò Vực	KX	xã Tứ Xuyên	H. Tứ Kỳ	20° 50' 45"	106° 25' 58"					F-48-81-B-d
sông Thái Bình	TV	xã Tứ Xuyên	H. Tứ Kỳ			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-d
thôn Đồng Kênh	DC	xã Văn Tố	H. Tứ Kỳ	20° 47' 57"	106° 25' 32"					F-48-81-B-d
thôn Đông Lâm	DC	xã Văn Tố	H. Tứ Kỳ	20° 47' 36"	106° 26' 18"					F-48-81-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Lộc	DC	xã Văn Tố	H. Tứ Kỳ	20° 48' 14"	106° 25' 47"					F-48-81-B-d
thôn Đồng Nại	DC	xã Văn Tố	H. Tứ Kỳ	20° 47' 15"	106° 26' 24"					F-48-81-B-d
thôn Gia Xuyên	DC	xã Văn Tố	H. Tứ Kỳ	20° 48' 30"	106° 25' 38"					F-48-81-B-d
thôn La Giang	DC	xã Văn Tố	H. Tứ Kỳ	20° 48' 05"	106° 25' 07"					F-48-81-B-d
thôn Mỹ Ân	DC	xã Văn Tố	H. Tứ Kỳ	20° 47' 46"	106° 25' 42"					F-48-81-B-d
thôn Nho Lâm	DC	xã Văn Tố	H. Tứ Kỳ	20° 47' 16"	106° 25' 45"					F-48-81-B-d
đình Nho Lâm	KX	xã Văn Tố	H. Tứ Kỳ	20° 47' 23"	106° 25' 50"					F-48-81-B-d
Đò Mép	KX	xã Văn Tố	H. Tứ Kỳ	20° 47' 44"	106° 24' 38"					F-48-81-B-d
Đường tỉnh 391	KX	xã Văn Tố	H. Tứ Kỳ			20° 57' 11"	106° 19' 23"	20° 43' 55"	106° 24' 08"	F-48-81-B-d
sông Tứ Kỳ	TV	xã Văn Tố	H. Tứ Kỳ			20° 49' 23"	106° 22' 02"	20° 44' 46"	106° 27' 21"	F-48-81-B-d

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa